

THƯ MỤC CHUYÊN ĐỀ NÔNG NGHIỆP
(GIAI ĐOẠN XUẤT BẢN TỪ NĂM 1991-2000)

437	Productive use of saline land : proceedings of a workshop held at Perth, Western Australia, 10-14 May 1991 / editors, Neil Davidson and Richard Galloway. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, [1993] - 123 p. : 24 cm., Phân loại: 631.64 PRO 1991, Tài liệu tham khảo
438	Rice germplasm Collecting, preservation, Use : Proceedings of third International Workshop 10-12 May 1990, IRRI . - - 172 p. 1991, Phân loại: 633.1 RIC 1991, Tài liệu tham khảo
439	Từ điển Bách khoa nông nghiệp. . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1991. - 454 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.203 TUD 1991, Từ điển
440	Một số kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật 1980-1990 (NIAPP) / Viện quy hoạch và thiết kế nông thôn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1991 - 178 Tr. , Phân loại: 630.7 MOT 1991, Tài liệu tham khảo
441	Cơ Khí hoá Nông nghiệp. Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH-CĐ khối Nông-Lâm / Quyền I,Khoa Cơ Điện Trường ĐHNLI, biên soạn. - H. : Nông nghiệp, 1991 - 129 tr. : 19 cm., Phân loại: 631.3 COK 1991, Từ điển
442	Cơ khí hoá Nông nghiệp. Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH-CĐ khối Nông-Lâm / Quyền 2,Khoa Cơ Điện,Trường ĐHNLI. - H. : Nông nghiệp, 1991 - 224 tr. : 19 cm., Phân loại: 631.3 COK 1991, Giáo trình
443	Nhân giống cây ăn quả / Tác giả:Hoàng Ngọc Thuận,Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 1991 - 70 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.043 4 TRT 1991, Tài liệu tham khảo
444	Thuốc trừ dịch hại bảo vệ cây trồng / Tác giả:Trần Quang Hùng. - H. : Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, 1991 - 189 Tr. ; 19cm, Phân loại: 632.95 TRH 1991, Tài liệu tham khảo
445	Plant diseases: Their biology and social impact / Gail L.Schumann. - Charbagh : International book distributing Co , 1991 - 397 p.; 24cm, Phân loại: 632.3 SCH 1991, Tài liệu tham khảo
446	Progress in agricultural physics and engineering . - Wallingford : C.A.B. International, 1991 - 337 p. : 24 cm, Phân loại: 631.3 PRO 1991, Tài liệu tham khảo
447	Appropriate biotechnology in small-scale agriculture : How to reorient research and development / Joske F.G.Bunders. - Wallingford, Oxon, UK : CAB International, 1991 - xi, 153 p. ; 24 cm, Phân loại: 630 APP 1991, Tài liệu tham khảo
448	Cơ khí hoá nông nghiệp. Quyền I /Nguyễn Bổng. - H.: Nông nghiệp, 1991 - 127 Tr.; 27 cm., Phân loại: 631.3 COK 1991, Giáo trình

449	Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956-1990) / Vụ Nông nghiệp-Tổng Cục Thống kê.. - H. : Thống kê, 1991. - 602 Tr. ; 27cm., Phân loại: 630.201 21 SOL 1991, Từ điển
450	Agro-ecological land resources assessment for agricultural development planning : A case study of kenya: Resources data base and land productivity / G.W. Fischer. - Rome : FAO, 1991 - 224 p.; 27 cm, Phân loại: 631.47 FIS 1991, Tài liệu tham khảo
451	Cause of soil degradation and development approaches to sustainable soil management / Kurt Georg Steiner. - Gemany : [n.b] , 1991 - 150 p.; 27 cm, Phân loại: 631.4 STE 1996, Tài liệu tham khảo
452	Technologies for sustainable agriculture on marginal uplands in southeast Asia : proceedings of a seminar held at Ternate, Cavite, Philippines, 10-14 December 1990 / editors: Graeme Blair and Rod Lefroy. - Canberra : Australian Centre for Agricultural Research, 1991 - 128 p. : 24 cm, Phân loại: 630.973 959 TEC 1991, Tài liệu tham khảo
453	Forages on red soils in China : proceedings of a workshop, Lengshuitan, Hunan Province, People's Republic of China, 22-25 April 1991 / editors P. M. Horne, D.A. MacLeod and J.M. Scott. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1991 - 141 p. : 24 cm., Phân loại: 633.2 FOR 1982, Tài liệu tham khảo
454	Rice blast modeling and Forecasting : Selected from the International Rice research Conference 27-31 August 1990, Seoun Korea . - Manila: IRRI, 1991 - 99 p. : 24 cm, Phân loại: 633.189 RIC 1991, Tài liệu tham khảo
455	A Century of Rice improvement in Burma / U Khin Win. - Manila : IRRI, 1991 - xi, 162 p. : 21 cm, Phân loại: 633.173 WIN 1991, Tài liệu tham khảo
456	A primer on organic-based rice farming / R.K.Pandey. - Philippines: International rice research institute , 1991 - 201 p. 27 cm., Phân loại: 633.189 PAN 1991, Tài liệu tham khảo
457	The Medicinal Plant Industry / R.O.B. Wijessekera: Editor. - London : CRC Press, Inc, 1991 - 269 tr. ; 24 cm, Phân loại: 633.88 MED 1991, Tài liệu tham khảo
458	Tuyển tập công trình nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp 1986-1991 - Kỷ niệm 35 năm thành lập trường (1956 - 1991) / . - H. : Nông nghiệp , 1991 - 241 Tr. ; 27cm, Phân loại: 630.7 TUY 1991, Tài liệu tham khảo
459	Evaluation for Sustainable Land Management in the Develoning World Vol 2. - Thailand: IBSRAM Proceedings no.12, 1991 - 631 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 631.4 EVA 1991/2, Tài liệu tham khảo
460	Soil solarization / James E. DeVay; James J. Stapleton; Clyde L. Elmore, Edited by. - Rome: FAO, 1991 - 396 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 631.4 SOI 1991, Tài liệu tham khảo

461	The role of Universities in national Agricultural research systems / . - Italya: Rome, 1991 - 313 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630.21 ROL 1991, Tài liệu tham khảo
462	Sweet potato an untapped food resource / By:J.A.Woolfe. - Cambridge : Cambridge University Press, 1992 - 630 p. , Phân loại: 633.14 W884, Từ điển
463	127 giống cây trồng mới / Viện Khảo nghiệm giống cây trồng mới. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1992 - 170 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.523 MOT 1992, Tài liệu tham khảo
464	Giữ cho đất màu mỡ : Xói mòn đất-Nguyên nhân và cách khắc phục / Kelley W. Hubert. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1992 - 85 Tr. , Phân loại: 631.451 GIU 1992, Từ điển
465	ứng dụng hệ thống cố định đạm trong việc cải tạo và sử dụng đất / Tác giả: Y.A. Mamdi. - Hà Nội : Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp, 1992 - 175 Tr. , Phân loại: 631.42 HAM 1992, Tài liệu tham khảo
466	Sổ tay người trồng vườn / Tác giả:Trần Thế Tục. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1992 - 187 Tr. , Phân loại: 634 TRT 1992, Tài liệu tham khảo
467	Nhân giống cây ăn quả : chiết,ghép,giâm cành,tách chồi / Tác giả:Hoàng Ngọc Thuận, Trần Thế Tục. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1992 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.043 TRT 1992, Tài liệu tham khảo
468	Cây có củ và cây chuối trong dinh dưỡng của con người / Người dịch:Lã Xuân Đĩnh. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1992 - 210 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 CAY 1992, Tài liệu tham khảo
469	Tổ chức khai thác bảo dưỡng hệ thống tưới nước / Tác giả:A. Sagardoy, A. Bothall. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1992 - 134 Tr. , Phân loại: 631.62 SAG 1992, Tài liệu tham khảo
470	Thực hành hoá bảo vệ thực vật / Nguyễn Văn Viên. - H. : Đại học Nông nghiệp I, 1992 - 141 tr. : 13 cm., Phân loại: 632.95 NGV 1992, Giáo trình
471	Research report 1991-1992 : Department of agronomy and soil science . - Australia : University of new England armiciale , 1992 - 91p. ; 27 cm, Phân loại: 630.2 DEP 1993, Tài liệu tham khảo
472	Tạo giống kháng bệnh bền vững cho cây lâu năm : Sách được xuất bản theo sự thoả thuận của tổ chức lương thực và nông nghiệp liên hợp quốc (FAO) / Người dịch:Hà Học Ngô. - H. : Nông nghiệp, 1992 - 136Tr. ; 19cm, Phân loại: 631.523 TAO 1990, Tài liệu tham khảo
473	100 câu hỏi về trồng rau và khoai tây / Tác giả:Nguyễn Văn Thắng,Nguyễn Thị Dục Tú. - H. : Nông nghiệp, 1992 - 112 Tr. ; 19cm, Phân loại: 635 NGT 1992, Từ điển
474	Sổ tay người trồng vườn / Tác giả:Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 1992 - 183 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634 TRT 1992, Từ điển

475	127 giống cây trồng mới / Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm. - H. : Nông nghiệp, 1992 - 166 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631.523 MOT 1992, Tài liệu tham khảo
476	Nhân giống Cây ăn quả / Trần Thế Tục, Hoàng Ngọc thuận. - H. : Nông nghiệp, 1992 - 268 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.043 TRT 1992, Tài liệu tham khảo
477	Cây cố định đạm trên đất hoang hoá / Người dịch: Vũ Công Hậu. - Hà nội : Nông nghiệp, 1992 - 102 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.812 CAY 1992, Từ điển
478	Chiến lược bảo hiểm cây trồng / R.A.J, Roberts; W.J.A, Dick. - H : Nông nghiệp, 1992 - 159 tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 CHI 1992, Tài liệu tham khảo
479	Ornamental bulbs, corms and tubers / A.R. Rees. - Wallingford, Oxon, UK : C.A.B. International, 1992 - ix, 220 p. : 24 cm, Phân loại: 635.944 REE 1992, Tài liệu tham khảo
480	Plant breeding in the 1990s : proceedings of the symposium on plant breeding in the 1990s / Edited by H.T.Stalker. - Wallingford, UK C.A.B. International, 1992 - 539 p. : 24 cm, Phân loại: 631.53 PLA 1992, Tài liệu tham khảo
481	Barley : genetics, biochemistry, molecular biology and biotechnology / Peter R.Shewry. - Wallingford : CAB International, 1992 - xiii, 610 p., [1] leaf of plates : 25 cm, Phân loại: 633.162 33 BAR 1992, Tài liệu tham khảo
482	Crop water requirements / J. Doorenbos. - Rome : FAO, 1992 - 143 Tr.; 27 cm, Phân loại: 631.62 CRO 1992, Tài liệu tham khảo
483	Bacterial wilt : Prosessings of an international conference held at Kaohsiung, Taiwan, 28-31 October 1992 / Editor by G.LHartman. - Australia.: AVRDC, 1992 - 380 Tr.; 22 cm, Phân loại: 632.32 BAC 1993, Tài liệu tham khảo
484	Pesticide formulations and application systems. 11th volume ./L.E.Bode, Davids G.Chasin editors. - Philadelphia, Pa: ASTM, 1992 - 294p. ; 24 cm, Phân loại: 632.95 PES 1992, Tài liệu tham khảo
485	Vẽ kỹ thuật cơ khí-T.2: Đã được Hội đồng môn học Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua dùng làm tài liệu giảng dạy trong các trường Đại học Kỹ thuật ./ Trần Hữu Quế. - H.: Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1992 - 140tr.; 27 cm., Phân loại: 631.3(075) Q301, Giáo trình
486	Vẽ kỹ thuật cơ khí-T.1: Đã được Hội đồng môn học Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua dùng làm tài liệu giảng dạy trong các trường Đại học Kỹ thuật ./ Trần Hữu Quế. - H.: Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1992 - 160tr., 27cm., Phân loại: 631.3(075) Q301, Giáo trình
487	A Search for strategies for sustainable dryland cropping in semi-arid eastern Kenya : proceedings of a symposium held in Nairobi, Kenya, 10-11 December 1990 / editor, M.E. Probert. - [Canberra] : Australian Centre for International Agricultural Research, 1992 - iv, 134 p. ; 24 cm, Phân loại: 631.586 ASE 1990, Tài liệu tham khảo

488	Rice in Deep Water ./. David Catling. - Philippine : IRRI., IRRI, 1992 - xxii, 542 p. : 24 cm., Phân loại: 633.1 CAT 1992, Tài liệu tham khảo
489	A farmer's primer on growing rice / Benito S. Vergara.. - Los Banos : International Rice Research Institute, 1992 - 221 p. : , Phân loại: 633.18 VER 1992, Tài liệu tham khảo
490	Crop ecology : productivity and management in agricultural systems / R.S. Loomis, D.J. Connor.. - Cambridge [England] ; New York : Cambridge University Press, 1992. - xiv, 538 p. : 26 cm., Phân loại: 631 LOO 1992, Tài liệu tham khảo
491	A Farmer's Primer on Growing Rice / Benito S. Vergara. - Manila,Philippines : IRRI International Rice Research Institute : 1992. - 219 p. ; 27 cm., Phân loại: 633.18 VER 1986, Tài liệu tham khảo
492	Progress in plant growth regulation. Proceedings of the 14th international conference on plant growth substances, Amsterdam, 21-26 July,1991 ./. Editor:C.M. Karssen, L.C. Vanloon, D.Vreugdenhil. - London: Kluwer Academic Publishers, 1992 - 963p.; 24cm, Phân loại: 631 PRO 1992, Tài liệu tham khảo
493	New Crops, New Uses, New Markets: Industrial and Commercial products from U.S. Agriculture . - Washington: [Kn..], 1992 - 302tr.; 24cm, Phân loại: 631.52 NEW 1992, Tài liệu tham khảo
494	Molecular Signal In Plant-Microbe Communications / Desh Pal S. Verma. Editor. - London: CRC PRESS, 1992 - 521 tr. ; 24 cm, Phân loại: 632.3 MOL 1992, Từ điển
495	Molecular signal In plant-microbe communications./ Desh pal S.Verma:Editor. - Boca Raton: CRC Press, 1992 - 521tr. ; 24 cm, Phân loại: 632.3 MOL 1992, Từ điển
496	Molecular Signal In Plant-Microbe Communications: / Desh Pal S. Verma Edited. - New York: CRC PRESS, 1992 - 521tr. ; 24 cm, Phân loại: 632.3 MOL 1992, Tài liệu tham khảo
497	Trồng trọt không dùng đất trong nghề làm vườn: Tài liệu trồng trọt và bảo vệ thực vật FAO 101 . - H. : [?] , 1992 - 152 Tr.; 25 cm, Phân loại: 631.585 TRO 1992, Tài liệu tham khảo
498	Draught animal power in the Asian-Australasian region : a workshop held in conjunction with 6th Asian-Australasian Association of Animal Production Societies, Congress, 23-30 November 1992, Bangkok, Thailand / editor, W.J. Pryor.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, [1993] - 135 p. : 24 cm., Phân loại: 631.371 DRA 1993, Tài liệu tham khảo
499	Postharvest handling of tropical fruits : proceedings of an international conference held at Chiang Mai, Thailand, 19-23 July 1993 / editors: B.R. Champ, E. Highley, and G.I. Johnson.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, [1994] - 500 p. ; 24 cm., Phân loại: 634.6 POS 1993, Tài liệu tham khảo

500	Coconut improvement in the South Pacific : proceedings of a workshop held in Taveuni, Fiji Islands 10-12 November 1993 / editors: M.A. Foale and P.W. Lynch.. - Canberra, ACT : Australian Centre for International Agricultural Research, [1994] - 82 p. ; 24 cm., Phân loại: 634.6 COC 1993, Tài liệu tham khảo
501	Biotechnology in Agricultural / Chongbiao You, Zhangliang Chen, Yong Ding. - Netherlands : Kluwer Academic publishers, 1993 - 520 p. , Phân loại: 631.52 BIO 1992, Tài liệu tham khảo
502	Nông cụ kiểu mới dùng cho hộ gia đình / Tác giả:Nguyễn Điền. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993 - 90 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.3 NGĐ 1993, Tài liệu tham khảo
503	Một số kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Quyển 3-1993,Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông Nghiệp, 1993 - 216 Tr. , Phân loại: 630.7 MOT 1993, Tài liệu tham khảo
504	Kết quả nghiên cứu khoa học của khoa học trồng trọt (1991-1992) / Trường Đại học nông nghiệp I Hà Nội. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993 - 164 Tr. , Phân loại: 633.07 KET 1993, Tài liệu tham khảo
505	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp 1992 / Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993 - 120 tr. , Phân loại: 630.7 KET 1993, Tài liệu tham khảo
506	Cẩm nang công tác khuyến nông / Tác giả:G.Thomas, P.Flores. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993 - 120 Tr. , Phân loại: 630.02 FLO 1993, Tài liệu tham khảo
507	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật 1991-1994 / Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993 - 160 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.7 KET 1993, Tài liệu tham khảo
508	Sâu bệnh hại cây thực phẩm và biện pháp phòng trừ / Phạm Thị Nhất. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.3 PHN 1993, Tài liệu tham khảo
509	Agroforestry training approaches : Examles from the Asia-Pacific region / By:K.G.McDicken, Chun K.Lai. - Bogor : Agroforestry Network, 1993 - 61 p. ; 27 cm., Phân loại: 634.99 AGR 1993, Tài liệu tham khảo
510	Hoá sinh cây trồng nông nghiệp : Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH-CĐ Nông-Lâm nghiệp / Chủ biên:Nguyễn Đăng Hùng. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 112 tr. ; 19 cm., Phân loại: 631.5 VUB 1993, Tài liệu tham khảo
511	Kết quả Nghiên cứu khoa học của Khoa Trồng trọt: Thời kỳ 1991 - 1992./ Trường Đại học Nông nghiệp 1. - H.: Nông nghiệp, 1993 - 160 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.5 KET 1993, Tài liệu tham khảo
512	Cây trồng vật nuôi / Chủ biên:Trần Đức Hạnh. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 203 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 CAY 2000, Tài liệu tham khảo

513	Hỏi đáp về nhãn vải / Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 139Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.2 TRT 1999, Tài liệu tham khảo
514	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật 1991-1994 / Viện Qui hoạch và Thiết kế nông nghiệp. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 155 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630.2 KET 1993, Tài liệu tham khảo
515	Chất điều hoà sinh trưởng đối với cây trồng / Hoàng Minh Tấn, Nguyễn Quang Thạch. - Hà nội. : Nông nghiệp, 1993 - 83 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.89 HOT 1993, Tài liệu tham khảo
516	Những kết quả nghiên cứu phục vụ công tác khuyến nông / Viện Quy Hoạch và thiết kế nông nghiệp. - Hà nội. : Nông nghiệp, 1993 - 79 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630 NHU 1993, Tài liệu tham khảo
517	Kali với năng suất và phẩm chất nông sản / Nguyễn Vy. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 74 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631.83 NGV 1993, Tài liệu tham khảo
518	Nông cụ kiểu mới dùng cho hộ gia đình / Nguyễn Điền. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.3 NGĐ 1993, Tài liệu tham khảo
519	138 giống cây trồng mới / Giống cây trồng Trung ương. - H. : Nông nghiệp, 1993 - 192 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631.52 MOT 1993, Tài liệu tham khảo
520	Modelling crop-weed interactions / Kropff, M.J.,Van laar,H.H.. - Oxon. : CAB International , 1993 - 274 p.. ;23cm, Phân loại: 632.58 MOD 1993, Tài liệu tham khảo
521	Cẩm nang công tác khuyến nông: Nguyên bản sách tiếng Anh của Seameo Regional center for Graduate Study And Research in Agriculture College Laguna Philippines 1993 / Flores.Thomas.G.,Bueno.Pedro.B.,Lapastora.Rafael.D.. - H.: Nông nghiệp, 1993 - 120 Tr.; 27 cm, Phân loại: 630 F66311, Giáo trình
522	Cây cảnh hoa Việt Nam : Ornamental Plant and Flowers in Vietnam / Trần Hợp.. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1993. - 448 Tr. ; 22 cm., Phân loại: 635.9 TRH 1993, Từ điển
523	Sách tra cứu nông dược 1993 : Tên, đặc tính, tác dụng, công dụng. Các dạng mặt hàng an toàn khi sử dụng & bảo quản / Trần Lâm Ban.. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1993. - 380 p.. ; 20 cm., Phân loại: 632.95 TRB 1993, Từ điển
524	Biological control pacific prospects : Supplement 2 / D. F. Waterhouse. - Canberra : ACIAR Australia, 1993 - xii, 139 p. : 25 cm, Phân loại: 632.85 WAT 1993, Tài liệu tham khảo
525	Pesticide formulations and application systems / Paul D. Berger, Bala N.Devisetty, Franklin R. Hall, Editors. - Philadelphia, Pa. : ASTM, 1993 - v. : 24 cm, Phân loại: 632 PES 1993, Tài liệu tham khảo

526	The major arthropod pests and weeds of agriculture in Southeast Asia : distribution, importance and origin / D.F. Waterhouse.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1993. - v, 141 p. : 24 cm., Phân loại: 632.5 WAT 1993, Tài liệu tham khảo
527	Sustainability of land use systems: The potential of indigenous measures for the maintenance of soil productivity in sub-sahara African agriculture . - German: Verlag josef margraf, 1993 - 168 Tr. ; 20 cm., Phân loại: 631.4 SUS 1993, Tài liệu tham khảo
528	Biotechnology in agriculture / Chongbiao You, Zhangliang Chen and Yong Ding. - Dordrecht : Kluwer Academic Pub., 1993. - x, 320 p. : 25 cm., Phân loại: 631.52 BIO 1993, Tài liệu tham khảo
529	Agricultural biotechnology : Opportunities for international development / edited by Gabrielle J. Persley.. - Wallingford, Oxon, UK : CAB International for the World Bank ... [et al.], 1993. - xv, 495 p. : 26 cm., Phân loại: 630 AGR 1993, Tài liệu tham khảo
530	Policies and strategies for Agro - industries in the Asia - Pacific region Part II /FAO. - Thailand : FAO, RAP Publication, 1993 - 348 p. ; 30 cm, Phân loại: 630.201 POL 1993, Tài liệu tham khảo
531	Ex situ storage of seeds, pollen and in vitro cultures of perennial woody plant species / Based on the work of Ben S.P. Wang, Pierre J. Charest, Bruce Downie.. - Rome : Food and Agriculture Organization of the United Nations, 1993. - xiv, 83 p. : 21 cm., Phân loại: 634 WAN 1993, Tài liệu tham khảo
532	Development oriented research in agriculture: An icra textbook / Hal Mettrick. - Wageningen: ICRA - the international centre for development oriented research in agriculture, 1993 - 287 p. ; 20 cm., Phân loại: 630.2 MET 1993, Tài liệu tham khảo
533	Soil conservation and sustainable land use: An economic approach / Jan De Graaff. - Dordrecht: Royal tropical institute the netherlands, 1993 - 191 p. ; 20 cm., Phân loại: 631.451 GRA 1993, Tài liệu tham khảo
534	Science of the rice plant. Vol 1: Morphology . . - Tokyo : Food and agriculture policy research center , 1993. - 686p. ; 27 cm., Phân loại: 633.182 33 SCI 1993, Tài liệu tham khảo
535	Soil conservation and sustainable land use / Jan De Graaff. - Dordrecht: Royal tropical institute - the netherands, 1993 - 191 tr. ; 19cm., Phân loại: 631.451 GRA 1993, Tài liệu tham khảo
536	The identification and characterization of pest organisms . - Wallingford : CAB International in association with the - xvii, 501 p. : 24 cm, Phân loại: 632.9 IDE 1994, Tài liệu tham khảo

537	Soil physical properties: Measurement and use in rice-Based Cropping Systems. / By M.B.Wopereis,M.Kropf,J.Bouma. - Manila : IRRI , 1994 - 112 p. 25 cm, Phân loại: 631.7 WOP 1994, Tài liệu tham khảo
538	Grain quality evaluation of World rices / By:B.Julliano, C.P.Villareal. - Manila : IRRI, 1994 - 205 tr. , Phân loại: 633.180 72 LUL 1993, Tài liệu tham khảo
539	Stored product protection. proceedings of the 6th International working conference on stored-product protection 17-23 April,1994-Canberra,Australia / Volume 2 :By:E.Highley, E.J.Wright, H.J.Banks, B.R.Champ. - Canberra : CAB International, 1994 - 1274 p. , Phân loại: 632.3 STO 1994/2, Tài liệu tham khảo
540	Technology verification through on-farm trials(TVOFT) : a Training manual . - Manila : [s.n.], 1994 - 190 p. : 20 cm, Phân loại: 633.189 TEC 1994, Tài liệu tham khảo
541	Soil and water conservation and management(SWCM) : A training manual . - HongKong : ADB, 1994 - 237 p. ; 19 cm, Phân loại: 631.4 SOI 1994, Tài liệu tham khảo
542	Agroforestry project planning and management : A training manual . - Manila : ADB, 1994 - 257 p. , Phân loại: 630 AGR 1994, Tài liệu tham khảo
543	Đại cương về nông nghiệp bền vững / Tác giả: Mollison, Bill, Reny Mia Slay. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 200 Tr. , Phân loại: 630.7 MOL 1994, Tài liệu tham khảo
544	Lên với cây cà phê chè ./ Viện Khoa học Nông nghiệp Việt nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 116 Tr. , Phân loại: 633.738 91 NGH 1994, Tài liệu tham khảo
545	Kỹ thuật nhân và trồng các giống cây cam, chanh, quýt, bưởi / Hoàng Ngọc Thuận. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 60 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.33 HOT 1994, Từ điển
546	Kết quả nghiên cứu khoa học của khoa học trồng trọt (1992-1993) . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 228 Tr. , Phân loại: 631.5 KET 1994, Tài liệu tham khảo
547	Dịch vụ nông nghiệp vùng Đồng bằng Sông hồng.Thực trạng và giải pháp / Nguyễn Hữu Tiến, Lê Đình Thắng. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 132 Tr. , Phân loại: 631.3 NGT 1994, Tài liệu tham khảo
548	Kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ về cây chè (1989-1993) / Viện nghiên cứu Chè. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 292 Tr. , Phân loại: 633.726 KET 1994, Tài liệu tham khảo
549	Giống lúa thơm đặc sản, giống lúa xuất khẩu và chất lượng cao / Tác giả:Trương Đích. - Hà Nội. : Nông nghiệp, 1994 - 44 Tr. , Phân loại: 633.18 TRĐ 1994, Tài liệu tham khảo
550	Kỹ thuật trồng xoài, na, hồng xiêm / Tác giả:Trần Thề Tục. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 90 Tr. ;19 cm , Phân loại: 634.4 TRT 1994, Tài liệu tham khảo

551	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp 1993 ./ Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 165 Tr. , Phân loại: 630.7 KET 1994, Tài liệu tham khảo
552	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp 1993 / Bộ Nông nghiệp. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 300 Tr. , Phân loại: 630.7 TUY 1994, Tài liệu tham khảo
553	Thiết kế và tối ưu hoá Hệ thống cung cấp nước tưới ./ Tác giả:M.A.Olson Labye. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - , Phân loại: 631.62 THI 1994, Tài liệu tham khảo
554	Những cơ hội phát triển sản xuất cung ứng và sử dụng phân bón ở Việt Nam = The Opporturities For Devecopment Of Production, Supply And Utieiration Of The Fertirep In VietNam . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 120 Tr. , Phân loại: 631.81 NHU 1994, Tài liệu tham khảo
555	Thiết bị và công cụ bảo quản chế biến nông sản / Nguyễn Điền, Đoàn Xuân Thìn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 190 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.3 THI 1994, Tài liệu tham khảo
556	Khuyến nông : sách chuyên khảo / Tác giả: E. Swanson. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - , Phân loại: 630.7 KHU 1994, Tài liệu tham khảo
557	Lịch sử nông nghiệp Việt Nam ./ Tác giả:Đường Hồng Dật. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 280 Tr. , Phân loại: 630.7 LIC 1994, Tài liệu tham khảo
558	Các biện pháp canh tác trên đất dốc / Tác giả: Nguyễn Ngọc Tiễn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 80 Tr. , Phân loại: 631.58 CAC 1994, Tài liệu tham khảo
559	Biological control of Weeds :Southeast Asian prospects / By: D.F.Waterhouse. - Australia : ACIAR Canberra, 1994 - 305 p. , Phân loại: 633.2 WAT 1994, Tài liệu tham khảo
560	Alternatives to Slash and Burn Agriculture : 15 th International Soil science congress Acapulco,Mehico 1994 / By:Pedro A. Sanchez, Helen Van Houten. - Nairobi : ICRAF & ISSS, 1994 - 120 p. ; 27 cm., Phân loại: 631.581 8 ALT 1994, Tài liệu tham khảo
561	Australian agriculture the complete reference or rural undustry . - Australian : Morescope publishing , 1994 - 437p. ; 27 cm, Phân loại: 630.994 AUS 1993, Tài liệu tham khảo
562	Kỹ thuật tưới cho một số cây lương thực và hoa màu / Bùi Hiếu, Lương Văn Hào. - H. : Nông nghiệp, 1994 - 143 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631.62 BUH 1994, Tài liệu tham khảo
563	Kỹ thuật sấy nông sản / Trần Văn Phú, Lê Nguyên Dương. - Hà nội. : Khoa học và kỹ thuật, 1994 - 151 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.56 TRP 1994, Tài liệu tham khảo

564	Trồng hoa cây cảnh trong gia đình / Nguyễn Huy Trí, Đoàn Văn Lư. - Thanh hoá : nxb.Thanh hoá, 1994 - 278 Tr. ; 19cm, Phân loại: 635.98 NGT 1994, Tài liệu tham khảo
565	Vi khuẩn lam cố định nitơ trong ruộng lúa / Dương Đức Tiến. - H. : Nông nghiệp, 1994 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.84 DUT 1994, Tài liệu tham khảo
566	Text book of soil science / J.D. Biswas,SK. Mukherjee. - New Delhi : Tata McGraw-Hill publishing companies Ltd , 1994 - 433 p.; 21cm, Phân loại: 631.4 BIS 1994, Tài liệu tham khảo
567	Onions and other vegetable alliums / J.L. Brewster. - Wallingford, UK : CAB International, 1994 - xi, 236 p. : 24 cm, Phân loại: 635.2 BRE 1994, Tài liệu tham khảo
568	Citrus / Frederick S. Davies, L. Gene Albrigo. - Wallingford, Oxon : CAB International, 1994 - viii, 254 p. : 24 cm, Phân loại: 634.3 CIT 1994, Tài liệu tham khảo
569	Potato genetics / J.E. Bradshaw ; G.R. Mackay. - Oxon : CAB International, 1994 - xiii, 552 p. : 26 cm, Phân loại: 635.212 33 POT 1994, Tài liệu tham khảo
570	Insect pests and fresh horticultural products : Treatments and responses/ Robert E.Paull, John W. Armstrong. - Wallingford, UK : CAB International, 1994 - x, 360 p. : 24 cm, Phân loại: 632.9 INS 1994, Tài liệu tham khảo
571	Soil science and sustainable land management in the tropics./ T.K.Syers. - Wallingford : CAB International in association with the, 1994 - xiv, 290 p. : 24 cm, Phân loại: 631.491 3 SOI 1994, Tài liệu tham khảo
572	Rice blast disease / Edited by: R.S. Zeigler, S.A. Leong, P.S. Teng. - Wallingford, Oxon, U.K. : CAB International, 1994 - xiii, 626 p. : 25 cm, Phân loại: 633.189 RIC 1994, Tài liệu tham khảo
573	Long-term experiments in agricultural and ecological sciences/ Edited by: R.A.Leigh. - Wallingford : CAB International, 1994 - xiv, 428 p. : 24 cm, Phân loại: 630.724 6 LON 1994, Tài liệu tham khảo
574	Conserving soil resources European perspectives selected papers from the First International Congress of the European Society for Soil Conservation / Edited by: R. J. Rickson.. - Oxon : Cab International, 1994. - x ,425 p. , Phân loại: 631.451 CON 1994, Tài liệu tham khảo
575	The molecular and cellular biology of the potato / [edited by] W.R. Belknap, M.E. Vayda, W.D. Park.. - Wallingford, Oxon, UK : CAB International, 1994. - x, 270 p. : 24 cm., Phân loại: 635.213 33 BEL 1994, Tài liệu tham khảo

576	The biological management of tropical soil fertility / Edited by P.L. Woormer and M.J. Swift.. - Chichester ; New York : Wiley, 1994 - viii, 243 p. : 26 cm., Phân loại: 631.491 3 THE 1994, Tài liệu tham khảo
577	Kết quả nghiên cứu hệ thống canh tác năm 1993 . - Cần thơ.: Đại học cần thơ, 1994 - 315 Tr.; 25 cm, Phân loại: 630.7 KET 1993, Tài liệu tham khảo
578	Introduction to tropical horticulture./ O.K. Bautista. - Philippiné: CEAMEO SEARCA 1994 - 597 Tr.; 27 cm, Phân loại: 635.04 INT 1994, Tài liệu tham khảo
579	Số liệu thống kê Nông Lâm Ngư nghiệp 1985-1993 : Statisal data of agriculture, forestry and fishery 1985-1993 / Tổng cục thống kê.. - H. : Thống kê , 1994. - 195Tr ; 19cm., Phân loại: 630.201 21 SOL 1994, Từ điển
580	Kết quả nghiên cứu khoa học của khoa trồng trọt : Thời kỳ 1992 - 1993 / Trường Đại học Nông nghiệp 1. - H. : Nông nghiệp, 1994 - 227 Tr. ; 27 cm , Phân loại: 631.5 KET 1994, Tài liệu tham khảo
581	Development of postharvest handling technology for tropical tree fruits : A workshop held in Bangkok, Thailand, 16-18 July 1992 / Editor by G.I.John. - Australia.: Australia center for international agricultural research, 1994 - 86 Tr.; 22 cm, Phân loại: 634.6 DEV 1994, Tài liệu tham khảo
582	Soil fertility and climatic constains in dryland agriculture : Proceeding of ACIAR/SACCAR workshop held at harare, Zimbabwe, 30 August 1 September 1993 . - Canberra.: Australia center for international agricultural research, 1994 - 137 Tr.; 22 cm, Phân loại: 631.422 SOI 1994, Tài liệu tham khảo
583	Bacterial wilt of groundnut : Proceedings of an ACI/ICROSAT collaborative research planning meeting held at Genting highlands, Malaysia 18-19 March, 1990 / Editor by K.J.Middeton, A.C.Hayward. - Canberra : Australia center for international agricultural research, 1994 - 58 Tr.; 22 cm, Phân loại: 633.368 9 BAC 1990, Tài liệu tham khảo
584	Agroforestry and animal production for human welfare : Proceeding of an international symposium held in association with the 7th AAAP animal science congress, Bali, Indonesia, 11-16 July 1994 / Editors by J.W.Copland. - Cambarria : ACIAR, 1994 - 125 Tr.; 22 cm, Phân loại: 634.990 959 AGR 1994, Tài liệu tham khảo
585	Citrus : Crop production science in horticulture 2 . - Cambridge : CAB international, 1994 - 254 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.3 CIT 1994, Tài liệu tham khảo
586	Postharvest handling of tropical fruits : Proceedings of an international conference held at Chiang Mai, Thailand, 19-23 July 1993 / Editor by B.R.Champ. - Cambarria : ACIAR, 1994 - 500 Tr.; 22 cm, Phân loại: 634.6 POS 1994, Tài liệu tham khảo

587	The vegetable garden in the tropics : With special reference to Africa / Waaijenberg. Henk. - Wageningen : CTA., 1994 - 60 p. ; 19 cm, Phân loại: 635 WAA 1994, Tài liệu tham khảo
588	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp 1993 / Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1994 - 162 Tr. ;[?] , Phân loại: 630.7 KET 1994, Tài liệu tham khảo
589	Development of Postharvest Handling Technology for Tropical Tree Fruits : a workshop held in Bangkok, Thailand, 16-18 July 1992 / editors, G.I. Johnson, E. Highley. - Canberra : ACIAR, 1994 - 86 p. : 24 cm, Phân loại: 634.6 DEV 1994, Tài liệu tham khảo
590	Beyond farmer first= Rural people's knowledge, agricultural research and extenbsion pratice ./ Ian Scoones. - London : Intermediate technology publications, 1994 - 301p. ; 23cm, Phân loại: 630.715 BEY 1994, Tài liệu tham khảo
591	Research and development prospects for faba bean : report of a workshop held in Melbourne, Australia, 28-29 March 1994 / editors, Colin Piggin and Steven Lack.. - Canberra : ACIAR, 1994. - 44 p. ; 24 cm, Phân loại: 635.651 RES 1994, Tài liệu tham khảo
592	Australian tree species research in China : proceedings of an international workshop held at Zhangzhou, Fujian Province, PRC, 2-5 November 1992 / editor: A.G. Brown. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1994 - 226 p. ; 24 cm., Phân loại: 634.970 951 AUS 1994, Tài liệu tham khảo
593	Bacterial wilt disease in Asia and the south pacific : Proceedings of an international workshop held at PCARRD, Los Banos, Philippines 8-10 October 1985 . - Australia center for international agricultural research, 1994 - 145 P. ; 22 cm, Phân loại: 632.320 951 BAC 1986, Tài liệu tham khảo
594	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật 1990-1994 / Trường Đại học Lâm nghiệp. - H. : Nông nghiệp, 1994 - 196 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.9 KET 1994, Tài liệu tham khảo
595	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 1 ./Trường Đại học Nông nghiệp I. - H. : Nông nghiệp, 1994 - 210 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 KET 1994, Tài liệu tham khảo
596	Program Report for 1994 / International Rice Research Institute. - Malina : nternational Rice Research Institute, 1994 - 312 p. ; 25 cm., Phân loại: 633.1 PRO 1995, Tài liệu tham khảo
597	Program Report for 1993 / International Rice Research Institute. - Malina : nternational Rice Research Institute, 1994 - 318 p. ; 25 cm., Phân loại: 633.1 PRO 1994, Tài liệu tham khảo

598	Setting research priorities: Towards effective farmer-oriented research / J. Douwe meindertsma. Editor. - Dordrecht: Royal tropical institute the netherlands, 1994 - 263 p. ; 19 cm., Phân loại: 630.7 SET 1994, Tài liệu tham khảo
599	Agricultural R&D at the crossroads: Merging systems research and social actor approaches / A. Budelman. Editor. - Netherlands : Royal tropical Institute, 1994 - 247 tr. ; 20 cm, Phân loại: 630.2 AGR 1994, Tài liệu tham khảo
600	Hybrid rice technology. New developments and future prospects: Selected papers from the international rice research conference / S. S. Virmani. - Philippines: International rice research institute, 1994 - 296 Tr. ; 25 cm, Phân loại: 633.18 HYB 1994, Tài liệu tham khảo
601	The ecology of tropical food crops / M.J.T. Norman, C.J. Pearson & P.G.E. Searle.. - Cambridge [Cambridgeshire] ; New York : Cambridge University Press, 1994. - ix, 427 p. : 24 cm., Phân loại: 633.1 NOR 1994, Tài liệu tham khảo
602	The Maize Handbook: / Michael Freeling. - New York, Springer-Verlag, 1994 - 759p. ; 27 cm., Phân loại: 633.15 FRE 1994, Tài liệu tham khảo
603	International conference on Rural Household food Security / . - Vietnam UNICEF-FAO , 1994 - 189 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630 INT 1994, Tài liệu tham khảo
604	Nguyên tố vi lượng và phân vi lượng / Dương Văn Đảm. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1994 - 160 Tr. ; 20 cm, Phân loại: 631.8 DUD 1994, Tài liệu tham khảo
605	Chương trình 327 Hội KHKT Lâm nghiệp Việt nam Kinh tế hộ gia đình ở miền núi cây trồng vật nuôi / . - H. : Nông nghiệp, 1994 - 200 Tr. ; 20 cm, Phân loại: 630 CAY 1994, Tài liệu tham khảo
606	Agricultural Sustainability Economic, Environmental and Statistical Considerations ./ Edited by: Vic Barnett. - Chicester. New york.Brisbane. Toronto. Singapore : John Wiley& Sons, [kn] - 266p. ; 23 cm, Phân loại: 630 AGR 1995, Tài liệu tham khảo
607	Phát triển hệ thống canh tác / Trần Đức Viên. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 328 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.5 PHA 1995, Tài liệu tham khảo
608	Yếu tố dinh dưỡng hạn chế năng suất và chiến lược quản lý dinh dưỡng cây trồng : Đề tài KN - 01-10 / Viện Nông hoá Thổ nhưỡng. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 260 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.8 YEU 1995, Tài liệu tham khảo
609	Khoa học đất . Việt Nam Soil Science / Tập V =Hội khoa học đất Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 130 Tr. , Phân loại: 631.4 KHO 1995, Tài liệu tham khảo
610	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển I /Viện Thổ nhưỡng Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 116 Tr. , Phân loại: 631.47 KET 1995, Tài liệu tham khảo
611	Vi khuẩn làm cố định Ni tơ trong ruộng lúa / Tác giả:Dương Đắc Tiến. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 90 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.84 DUT 1994, Tài liệu tham khảo

612	Nông nghiệp Việt Nam (1945-1995) / Tác giả:Nguyễn Xuân Cúc. - Hà Nội : Thống kê, 1995 - 390 Tr. , Phân loại: 630.959 7 NGC 1995, Tài liệu tham khảo
613	Khoa học nông nghiệp : Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao / Người dịch:Nguyễn Mười, Hồ Khắc Tín. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1995 - 280 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 BOS 1996, Tài liệu tham khảo
614	Côn trùng hại kho / Bùi Công Hiền. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1995 - 216 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.7 BUH 1995, Từ điển
615	Kỹ thuật trồng các giống ngô mới năng suất cao / Tác giả:Trương Văn Đích, Phạm Hồng Quảng. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 60 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.15 TRĐ 1995, Từ điển
616	Kỹ thuật trồng các giống cây trồng mới năng suất cao . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 260 Tr. , Phân loại: 631.52 KYT 1995, Tài liệu tham khảo
617	Kỹ thuật sấy nông sản / Tác giả:Trần Văn Phú, Lê Nguyên Đương. - Hà Nội : Khoa học kỹ thuật, 1995 - 155 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.56 TRP 1994, Tài liệu tham khảo
618	Kết quả nghiên cứu khoa học về rau quả 1990 - 1994 = Scientific Scesults Of 5 Year Stecdy On Fruits And Vegetables . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 202 Tr. , Phân loại: 634 KET 1995, Tài liệu tham khảo
619	Nông lâm kết hợp (Giáo trình cao học) / Tác giả:Lê Duy Thước. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 106 Tr. , Phân loại: 630.2 LET 1995, Tài liệu tham khảo
620	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp 1994 : Research Highlihts For 1994 / Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 220 Tr. , Phân loại: 630.7 KET 1995, Tài liệu tham khảo
621	Chiết ghép giâm cành tách chồi cây ăn quả / Tác giả:Trần Tục, Hoàng Ngọc Thuận. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 118 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.34 TRT 1995, Từ điển
622	Nghiên cứu cây lương thực và cây thực phẩm (1991-1994) . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 195 Tr. , Phân loại: 633 NGH 1995, Tài liệu tham khảo
623	Phân bón lá và các chất kích thích sinh trưởng / Tác giả:Nguyễn Văn Uyển. - TP.HCM : Nông nghiệp, 1995 - 84 Tr. , Phân loại: 631.89 NGU 1995, Tài liệu tham khảo
624	Nông nghiệp vùng đồng bằng sông hồng trong thời gian cải cách hiện nay : L'Agrilulture Du Delta Du Fleuve Rouge à L'heure Des Reformes . - Hà Nội : Nông nghiệp , 1995 - 290 Tr. , Phân loại: 630.2 NON 1995, Tài liệu tham khảo
625	Kết quả nghiên cứu cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản (1991-1995) . - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 232 Tr. , Phân loại: 630 KET 1995, Tài liệu tham khảo
626	Phương pháp điều tra phát hiện sâu bệnh hại cây trồng / Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 150 Tr. , Phân loại: 632 PHP 1995, Tài liệu tham khảo

627	ứng dụng công nghệ sinh học trong cải tiến giống lúa : Giáo trình cao học nông nghiệp ./ Tác giả:Bùi Chí Bửu, Nguyễn Thị Lang. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995 - 167 Tr. , Phân loại: 633.182 33 BUB 1995, Tài liệu tham khảo
628	Agroforestry systems in Vietnam : Supported by APAN Regional secretariat under the UNDP-FARM program(RAS/93/064) / By:Vũ Việt Linh,Nguyễn Ngọc Bình. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 156 p. ; 15 cm., Phân loại: 634.959 7 VUL 1995, Tài liệu tham khảo
629	Giáo trình phân bón và cách bón phân : Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH-CD Nông-Lâm nghiệp / Vũ Hữu Yêm. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 152 tr. : 27 cm., Phân loại: 631.8 VUY 1995, Tài liệu tham khảo
630	Cây dâu : Giáo trình dùng cho Sinh viên các trường Đại học - Cao đẳng Nông-Lâm nghiệp / Chủ biên:Đỗ Thị Châm. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 155 tr. ; 19 cm., Phân loại: 633.89 ĐOC 1995, Giáo trình
631	Phương pháp nghiên cứu khoa học Cơ khí nông nghiệp : Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH-CD khối Nông-Lâm / Đặng Thế Huy. - H. : Đại học Nông nghiệp I, 1995 - 132 tr. : 19 cm., Phân loại: 631.307 11 ĐAH 1995, Tài liệu tham khảo
632	Soil science and plant nutrition. Vol 41, No2- No4. - Japan : Manufactured by center for academic publications Japan, 1995 - 194 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.4 SOI 1995/2-4, Tài liệu tham khảo
633	Cassava breeding ,Agronomy researchand technology transger in Asia / Editor: Howeler .R.H.. - Thailand : CIAT, 1995 - 463 Tr. ; 22 cm, Phân loại: 633.682 CAS 1995, Tài liệu tham khảo
634	Nông nghiệp bền vững cơ sở và ứng dụng / Nguyễn Văn Mẩn, Trịnh Văn Thịnh. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 220 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 NGM 1995, Tài liệu tham khảo
635	Côn trùng hại kho / Bùi Công Hiến. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 1995 - 213 Tr. ; 19cm, Phân loại: 632.7 BUH 1995, Từ điển
636	Chiết,ghép, giâm cành, tách chồi cây ăn quả / Tác giả:Hoàng Ngọc Thuận,Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 116 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.34 TRT 1995, Từ điển
637	Khoa học nông nghiệp = Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao / Nguyễn Mười, Hồ Khắc Tín. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 1995 - 280 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630.2 BOS 1995, Tài liệu tham khảo
638	Kỹ thuật trồng chăm sóc chế biến cà phê / Phan Quốc Sùng. - TP.HCM : Nông nghiệp, 1995 - 70 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.73 PHS 1995, Tài liệu tham khảo
639	Biện pháp sinh học phòng chống dịch hại nông nghiệp = Biological control of agricultural pest / Phạm Văn Lâm. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 235 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.9 PHL 1995, Tài liệu tham khảo

640	Kỹ thuật trồng các giống ngô mới năng suất cao / Trương Đích, Phạm Đồng Quảng. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 59 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.15 TRĐ 1995, Từ điển
641	Ngô nguồn dinh dưỡng của loài người : Sách được xuất bản theo sự thoả thuận của tổ chức lương thực và nông nghiệp liên hiệp quốc / Vũ Đình Hoà dịch. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 148 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.15 VUH 1995, Tài liệu tham khảo
642	Kỹ thuật trồng các giống cây trồng mới năng suất cao . - H. : Nông nghiệp, 1995 - 260 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633 KYT 1995, Tài liệu tham khảo
643	Sâu tơ hại rau họ thập tự và biện pháp quản lý sâu tơ tổng hợp / Nguyễn Quý Hùng, Lê Trường, Lã Phạm lân. - Tp.Hồ Chí Minh : Nông nghiệp, 1995 - 298 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.7 SAU 1995, Tài liệu tham khảo
644	Phát triển sản xuất một số nông đặc sản ở miền bắc Việt nam / Lê Đình Thắng. - H. : Thống kê, 1995 - 136 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633 LET 1995, Từ điển
645	Thuốc bảo vệ thực vật : Tái bản lần thứ III có sửa chữa / Trần Quang Hùng. - H. : Nông nghiệp , 1995 - 316 Tr.; 19 cm, Phân loại: 632.95 TRH 1995, Tài liệu tham khảo
646	Soil genesis and classification / S.W.Bud, F.D.Hole, R.J.McCracken. - New Delhi : Appiliated East-West Press PVT Ltd , 1995 - 446 p.; 22cm, Phân loại: 631.4 BUO 1989, Tài liệu tham khảo
647	Salinisation of land and water resources : human causes, extent, management and case studies/ F.Ghassemi. - Wallingford, Oxon. : CAB International, 1995 - xviii, 526 p. : 24 cm, Phân loại: 631.416 GHA 1995, Tài liệu tham khảo
648	New diagnostics in crop sciences / J.H. Skerritt. - Wallingford : CAB International, 1995 - xi, 338 p. : 24 cm, Phân loại: 632.3 NEW 1995, Tài liệu tham khảo
649	Modeling the impact of climate change on rice production in Asia./ Edited by: Robin B.Matthews. - Wallingford : CAB International, 1995 - xvi, 289 p. : 25 cm, Phân loại: 633.180 95 MOD 1995, Tài liệu tham khảo
650	Collecting plant genetic diversity : technical guidelines./ Edited by: Luigi Guarino. - Wallingford, Oxon, UK : CAB International, 1995 - xx, 748 p. : 25 cm, Phân loại: 631.523 COL 1995, Tài liệu tham khảo
651	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp và quản lý đất 1992-1994. / Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà nội. - H.: Nông nghiệp, 1995 - 152 Tr.; 27 cm, Phân loại: 631 KET 1995, Tài liệu tham khảo
652	Chọn tạo giống lúa cho vùng khô hạn, ngập úng, chua phèn / Viện cây lương thực thực phẩm. - H.: Nông nghiệp, 1995 - 104 Tr.; 27 cm, Phân loại: 633.172 33 CHO 1995, Tài liệu tham khảo

653	Kết quả nghiên cứu khoa học về ngô= Nghiên cứu cơ cấu luân canh tăng vụ, các biện pháp kỹ thuật canh tác cây ngô, xây dựng mô hình trồng ngô lai ở vùng thâm canh (giai đoạn 1991-1995) / Viện nghiên cứu ngô. - H.: Nông nghiệp, 1995 - 200 Tr.; 27 cm, Phân loại: 633.158 2 KET 1995, Tài liệu tham khảo
654	Phương pháp nghiên cứu khoa học phần nghiên cứu và thực nghiệm : Giáo trình cao học và NCS ngành cơ khí / Lê Công Huỳnh. - H. : Nông nghiệp, 1995. - 188 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.3 LEH 1995, Tài liệu tham khảo
655	Soil and water management systems / Glenn O.Schwab. - New York : John wiley and SOns, Inc , 1995 - 371p. ; 24cm, Phân loại: 631.45 SCH 1996, Tài liệu tham khảo
656	Laboratory manual on seed pathology / D.K.Jha.. - New Delhi : Viska Publishing house PVT LTD, 1995. - 101p. ; 21cm., Phân loại: 631.521 JHA 1995, Từ điển
657	Chi tiết máy / Trần Thị Nhị Hương. - H. : Nông nghiệp, 1995 - ...Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.3 H928, Giáo trình
658	Inventory credit An approach to developing agricultural markets / Coulter, Jonathan; Shephenrd, Andrew W. - Rome.: 1995 - 107 tr.; 19 cm, Phân loại: 630 COU 1995, Tài liệu tham khảo
659	Sustainable dryland cropping in relation to soil productivity / C.J.Pearson. - Rome : FAO, 1995 - 146 Tr.; 27 cm, Phân loại: 631.5 PEA 1995, Tài liệu tham khảo
660	Post-harvest deterioration of cassava : A biotechnology perspective . - Rome : FAO, 1995 - 99 Tr.; 20 cm, Phân loại: 633.682 9 WEN 1995, Tài liệu tham khảo
661	Integrated plant nutrition systems / R.Dudal, R.N.Roy. - Rome : FAO, 1995 - 423 Tr.; 20 cm, Phân loại: 631.811 INT 1995, Tài liệu tham khảo
662	Agriculture and Agricultural research in the Mekong delta : the role of the Cuulong delta rice research institute / Donald W. Puckridge. - [s.l]. : the Cuulong delta rice research institute, 1995 - 43 p. ; 24 cm, Phân loại: 630.7 AGR 1995, Tài liệu tham khảo
663	A guide to the zygotic embryo culture of coconut palms (Cocos nucifera L.) / G.R. Ashburner ... [et al]. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1995. - 16 p. : 24 cm., Phân loại: 634.61 GUI 1995, Tài liệu tham khảo
664	Techniques for pollinating eucalypts./ M.W. Moncur.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1995. - 20 p. : 24 cm., Phân loại: 634.973 42 MON 1995, Tài liệu tham khảo
665	Giáo trình chi tiết máy ./ Trần Thị Nhị Hương. - H.: Nông nghiệp 1995 - 186tr.; 27cm., Phân loại: 631.3 H928, Giáo trình

666	The farming systems approach to Development and appropriate technology generation./ D. W. Norman, F. D. Worman, J. D. Siebert, E. Mpdiakgotla. - Roma: FAO of The United Nations, 1995 - 228 p.; 30 cm., Phân loại: 630.202 8 FAR 1995, Tài liệu tham khảo
667	Yếu tố dinh dưỡng hạn chế năng suất cây trồng và chiến lược quản lý dinh dưỡng để phát triển nông nghiệp bền vững./ : / Bùi Đình Dinh. - H.: : Nông nghiệp - Tr.5-32 , Phân loại: 631.8 YEU 1995, Tài liệu tham khảo
668	Illustrated guide to the identification of banana varieties in the South Pacific / Jeff Daniells. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1995. - 31 p. : 21 cm, Phân loại: 634.772 JEF 1995, Tài liệu tham khảo
669	Soil organic matter management for sustainable agriculture : a workshop held in Ubon, Thailand, 24-26 August 1994 / editors: R.D.B. Lefroy, G.J.Blair and E. T. Craswell. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1995. - 163 p. : 24 cm., Phân loại: 631.417 SOI 1994, Tài liệu tham khảo
670	Postharvest technology for agricultural products in Vietnam : proceedings of an international workshop held at Hanoi, Vietnam, 8-9 December 1994 / editors, B. R. Champ and E. Highley.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1995. - 166 p. : 24 cm., Phân loại: 631.560 9597 POS 1995, Tài liệu tham khảo
671	Omonrice. Tập san nghiên cứu lúa / Issue 4:Nguyễn văn Luật. - Cần thơ : Cửu long Delta Rice Research Institute, 1995 - 553tr. 19cm, Phân loại: 633.18 OMO 1995, Tài liệu tham khảo
672	Nhân giống sâm ngọc Linh (Panax Vietnamensis) bằng con đường công nghệ sinh học và kinh nghiệm trồng nhân sâm (panax ginseng) ở khai thành triều tiên./ Nguyễn Ngọc Dung. - TP.Hồ Chí Minh. : Nông nghiệp, 1995 - 160 tr. ; 19 cm., Phân loại: 633.88 NGD 1995, Tài liệu tham khảo
673	Lâm nghiệp Việt Nam / Bộ Lâm nghiệp. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 70 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.9 LAM 1995, Tài liệu tham khảo
674	Phát triển hệ thống canh tác: Hướng dẫn tổ chức và chỉ đạo các khoá đào tạo về phát triển hệ thống canh tác / Trần Đức Viên, Dịch. - H. : Nông nghiệp, 1995 - 327 Tr. ; 31 cm., Phân loại: 631.5 PHA 1995, Tài liệu tham khảo
675	Rainfed lowland rice : Agricultural research for High-Risk Enviroments./ Edited by K.T.Ingram. - Manila, Philippines : International Rice Research Institute, 1995. - 248 p. : 24 cm., Phân loại: 633.18 RAI 1995, Tài liệu tham khảo
676	Climate-change and Rice ./ Edited by: S. Peng, K.T. Ingram, H.U. Neue and L.H. Ziska. - Oxford ; New York : IRRI, Springer, 1995 - xvi, 374 p. : 24 cm, Phân loại: 633.1 CLE 1995, Tài liệu tham khảo

677	Water a looming crisis : IRRI. - Manila : IRRI, 1995 - 91 p. ; 29 cm, Phân loại: 631.8 WAT 1995, Tài liệu tham khảo
678	Regenerating agriculture : policies and practice for sustainability and self-reliance / Jules N. Pretty.. - Washington, D.C. : Joseph Henry Press, 1995. - viii, 320 p. : 24 cm., Phân loại: 630.2 PRE 1995, Tài liệu tham khảo
679	Management of biological nitrogen fixation for the development of more productive and sustainable agricultural systems / J.K. ladha, M.B. Peoples. Edited by. - Dordrecht: Kluwer academic publishers, 1995 - 287 p. ; 27 cm., Phân loại: 631.46 MAN 1995, Tài liệu tham khảo
680	Breeding Field Crops./ Sleper David A.. - Iowa, State University Press 1995 - 344p.; 27cm, Phân loại: 631.5 SLE 1995, Tài liệu tham khảo
681	Protected Agriculture A Global Review / Merle H. Jensen, Alan J. Malter. - H. : The World Bank., 1995 - 296 tr.: 30 cm, Phân loại: 635.048 3 JEN 1995, Tài liệu tham khảo
682	Phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại cây trồng: Nghiên cứu và ứng dụng / Nguyễn Công Thuật. PGS. - H.: Nông nghiệp, 1995 - 292 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.9 NGT 1995, Tài liệu tham khảo
683	The biology of grasses ./ G.P. Chapman. - Wallingford : CAB International, c1996 - xiv, 273 p. : 24 cm, Phân loại: 633.2 CHA 1996, Tài liệu tham khảo
684	Seedborne diseases and their control : principles and practice/ R.B. Maude. - Wallingford, Oxon, UK ; Tucson, AZ : CAB International, 1996 - xvii, 280 p. : 25 cm, Phân loại: 632.95 MAU 1996, Tài liệu tham khảo
685	Agricultural Extension. Second Edition .A.W. van den Ban, H.S. Hawkins. - Australia, the Netherlands : Blackwell science, [kn] - 294 p. , Phân loại: 630.715 BAN 1996, Tài liệu tham khảo
686	Cây trồng vật nuôi : Chương trình 327 / Trần đức Hạnh. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 205 tr. , Phân loại: 634.99 CAY 1996, Tài liệu tham khảo
687	Nông nghiệp trên đất dốc - thách thức và tiềm năng : Tuyển tập kết quả nghiên cứu giai đoạn 1991-1996 / Tác giả:Trần Đức Viên, Phạm Chí Thành. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 465 Tr. , Phân loại: 631.452 NON 1996, Tài liệu tham khảo
688	Kết quả nghiên cứu khoa học. Các công trình nghiên cứu của NCS / Quyển 6 :Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 335 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.2 KET 1996/VI, Tài liệu tham khảo
689	Tuyển tập công trình nghiên cứu bảo vệ thực vật 1990-1995 / Viện Bảo vệ thực vật. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 288 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632.9 TUY 1996, Tài liệu tham khảo

690	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển II /Viện Thổ nhưỡng Nông hoá. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 193 Tr. , Phân loại: 631.4 KET 1996, Tài liệu tham khảo
691	Tuyển tập công trình nghiên cứu biện pháp sinh học phòng trừ dịch hại cây trồng(1990-1995). Quyển I /Nguyễn Văn Cẩm, Phạm Văn Lâm. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 136 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632.96 TUY 1996, Tài liệu tham khảo
692	Kết quả nghiên cứu Khoa học thời kỳ 1986-1996 / Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 395 Tr. , Phân loại: 630 KET 1996, Tài liệu tham khảo
693	Kết quả nghiên cứu khoa học 1986-1996 / Viện Di truyền Nông nghiệp. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 220 Tr. , Phân loại: 631.523 3 KET 1996, Tài liệu tham khảo
694	Kết quả nghiên cứu chọn lọc và lai tạo giống ngô (1991-1995) / Viện nghiên cứu Ngô-Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 204 Tr. , Phân loại: 633.152 3 KET 1996, Tài liệu tham khảo
695	Trồng cây ăn quả ở Việt nam / Tác giả:Vũ Công Hậu. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 490 Tr. , Phân loại: 634 VUH 1996, Tài liệu tham khảo
696	Kỹ thuật về cây hoa cảnh / Nguyễn Khắc Trung, Phạm Minh Thu. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 231 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.98 NGT 1996, Tài liệu tham khảo
697	Environmentally Sustainable Rural And Agricultuarl Development Strategies In The Philipines : Lessons From Six Case Studies / Tác giả:Percy.E.Sajie.,Nicomedes.D.Briones. - Manila : Searca, 1996 - 153 Tr. , Phân loại: 630.599 ENV 1996, Tài liệu tham khảo
698	In Search Of Altenative Fertilizers For Sustainable Agriculture The Sesbania Option / Tác giả:Irene.J.Manguiat. - Manila : Philipines, 1996 - 32 Tr. , Phân loại: 631.8 MAN 1996, Tài liệu tham khảo
699	Sản xuất và sử dụng cỏ ngọt = Stevia Rebaudiana Bertoni / Tác giả:Trần Đình Long, Mai Thị Phương Anh,A.G.Liakhovkin.. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 84 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.2 TRL 1996, Tài liệu tham khảo
700	Rau và trồng rau : Giáo trình cao học nông nghiệp / Tác giả:Mai Thị Phương Anh,Trần Văn Lài,Trần Khắc Thi. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1996 - 254 Tr. , Phân loại: 635.045 1 MAA 1996, Tài liệu tham khảo
701	Hội thảo về Lâm nghiệp và Nông Lâm kết hợp trên đất dốc ở miền Bắc Việt Nam : Vĩnh Phú 24-28-6-1996./ Cục phát triển Lâm nghiệp-Bộ Nông nghiệp và PTNT. - H. : Tổ chức FAO, 1996 - 151 tr. ; 27 cm., Phân loại: 634.99 HOI 1999, Từ điển
702	Kỹ thuật Nông Lâm kết hợp tại vùng cao(Agroforestry technology infirmation kit) / Người dịch:Nguyễn Văn Sở. - TP.Hồ Chí Minh : Nông nghiệp, 1996 - 220 tr. : 27 cm., Phân loại: 630.7 KYT 1996, Tài liệu tham khảo

703	Asia-Pacific Agroforestry profiles:Second edition / By:R.Koppelman,Chun, K.Lai, Patrick,.B.Durst. - Bangkok : FAO & The United Nations, 1996 - 360 p. ; 27 cm., Phân loại: 634.99 ASI 1996, Tài liệu tham khảo
704	Tin học : Bài giảng cho Cao học và nghiên cứu sinh ngành trồng trọt-Chăn nuôi-Thú y Biên soạn:Nguyễn Đình Hiền. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 145 tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.0285 NGH 1996, Tài liệu tham khảo
705	Hệ thống Nông nghiệp : Bài giảng dùng cho cao học và nghiên cứu sinh Nông nghiệp / Chủ biên:Phạm Chí Thành, Trần Đức Viên. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 212 tr. : 27 cm., Phân loại: 630.071 1 PHT 1996, Giáo trình
706	Tree Crop Interactions : A physiological approach / By Chin K.Ong,Peter Huxley.. - 1996 - 385 tr ; 25 cm,hình vẽ, Phân loại: 634.991 2 TRE 1996, Tài liệu tham khảo
707	Directory of International training and educational opportunities in Agroforestry / By:Rudebjer Per. - Nairobi : ICRAF , 1996 - 151 p. ; 27 cm,hình vẽ, Phân loại: 634.99 RUD 1996, Tài liệu tham khảo
708	Nông lâm kết hợp : Giáo trình cao học nông nghiệp / Tác giả:Lê Duy Thước. - H : Nông nghiệp , 1996 - 102 tr. ; 22 cm, Phân loại: 630.2 LET 1995, Tài liệu tham khảo
709	Hệ thống nông nghiệp : Giáo trình cao học nông nghiệp / Chủ biên:Phạm Chí Thành, Trần Đức Viên. - H : Nông nghiệp , 1996 - 185 tr. ; 22 cm, Phân loại: 630 HET 1993, Tài liệu tham khảo
710	Từ điển Bách khoa Bảo vệ Thực vật . / Biên tập: Lê Văn Thịnh.. - Nông nghiệp : Hà Nội , 1996. - 813Tr. ; 13x19cm; ảnh màu., Phân loại: 632.03 TUĐ 1996, Từ điển
711	Khôi phục rừng và phát triển lâm nghiệp : Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước mã số KN 03 / Viện khoa học Lâm nghiệp. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 228 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.9 KHO 1996, Tài liệu tham khảo
712	Kết quả nghiên cứu chọn lọc và lai tạo giống ngô giai đoạn 1991-1995 ./ Viện nghiên cứu Ngô. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 203 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 633.152 3 KET 1996, Tài liệu tham khảo
713	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 2 ./Trường Đại học Nông nghiệp I. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 220 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 KET 1996, Tài liệu tham khảo
714	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 2 ./Viện Thổ nhưỡng Nông hoá. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 195 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.4 KET 1996, Tài liệu tham khảo
715	Case Studies of people's participation in waterhed management in Asia . T1+T2 /Prem N. Sharma, Wagley P. Mohan. - Kathman du : WMTA, 1996 - 47 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.62 CAS 1997, Tài liệu tham khảo
716	Đất Việt Nam(Bản chú giải bản đồ đất tỷ lệ 1/1triệu) : Hội khoa học đất Việt Nam / Chủ biên:Tôn Thất Chiểu,Đỗ Đình Thuận. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 171 Tr. ; 27cm, Phân loại: 631.4 ĐAT 1996, Tài liệu tham khảo

717	Sản xuất và sử dụng cơ ngọt / Trần Đình Long, Mai Thị Phương Anh, A.G.Liakhovkin. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 84 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.2 TRL 1996, Tài liệu tham khảo
718	Nguyên lý và phương pháp khuyến nông / Jacobsen chanoch. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 199 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630.715 JAC 1996, Tài liệu tham khảo
719	Mười vạn câu hỏi vì sao : Khoa học nông nghiệp . - H. : Khoa học kỹ thuật, 1996 - 279 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 BOS 1996, Tài liệu tham khảo
720	Phổ cập kiến thức về hệ sinh thái VAC / Nguyễn Văn Mẩn. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 147 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 NGM 1996, Tài liệu tham khảo
721	Chọn tạo giống cây trồng cận lấy hạt và biện pháp thâm canh : Mì, mạch, cao lương, kê HV / Trần Đình Long. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 122 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.1 TRL 1996, Tài liệu tham khảo
722	Phân phức hợp hữu cơ vi sinh / Lê Văn Tri. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 59 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.86 LET 1996, Tài liệu tham khảo
723	Hướng dẫn thực hành sử dụng phân bón / Võ Minh Kha. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 324 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 VOK 1996, Tài liệu tham khảo
724	Sử dụng đất tổng hợp và bền vững. / Biên soạn:Nguyễn Xuân Khuất. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 152 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.47 SUD 1996, Tài liệu tham khảo
725	Kỹ thuật về cây hoa cảnh / Nguyễn Khắc Trung, Phạm Minh Thu. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 231 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.98 NGT 1996, Tài liệu tham khảo
726	Nửa thế kỷ phát triển nông nghiệp nông thôn việt nam 1945-1995 / Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Văn Tiêm. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 457 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.597 NGC 1996, Tài liệu tham khảo
727	Cây cacao trên thế giới và triển vọng ở Việt Nam / Nguyễn Văn Uyển, Nguyễn Tài Sum.. - H. : Nông nghiệp, 1996. - 179 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 633.74 NGU 1996, Tài liệu tham khảo
728	Cây đậu tương kỹ thuật trồng và chế biến sản phẩm / Phạm Văn Thiều. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 100 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.348 PHT 1996, Tài liệu tham khảo
729	Tìm hiểu về các loại cây ăn trái có triển vọng xuất khẩu / Tôn Thất Trình. - Tp.HCM : Nông nghiệp, 1996 - 166 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634 TOT 1996, Từ điển
730	Cây vừng, vị trí mới - giống mới - kỹ thuật trồng / Nguyễn Vy, Phan Bùi Tân, Phạm Văn Ba. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 60Tr.; 19cm, Phân loại: 633.3 NGV 1996, Tài liệu tham khảo
731	Phân bón sử dụng bảo quản phân biệt thật giả / Đỗ Ánh, Bùi Đình Dinh, Võ Minh Khai. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 92 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 BUD 1986, Tài liệu tham khảo

732	Kỹ thuật trồng dưa / Trần Thế Tục, Vũ Mạnh Hải. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 143 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.774 TRT 1996, Tài liệu tham khảo
733	Kỹ thuật trồng cà chua, khoai tây, hành tây và tỏi ta / Nguyễn Văn Thắng, Bùi Thị Mỹ. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 107 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.642 8 NGT 1996, Từ điển
734	Thâm canh lúa ở Việt nam / Mai Văn Quyền. - Tp.Hồ Chí Minh : Nông nghiệp, 1996 - 157 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.18 MAQ 1996, Tài liệu tham khảo
735	Sâu hại bông đay và thiên địch của chúng ở việt nam / Nguyễn Xuân Thành. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 166 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.7 NGT 1996, Tài liệu tham khảo
736	Nông nghiệp Châu Âu những kinh nghiệm phát triển / Chủ biên:Hoàng Hải. - H. : Khoa học xã hội, 1996 - 268 Tr.; 19 cm, Phân loại: 630 HOH 1996, Tài liệu tham khảo
737	Soil Erosion, conservation,and Rehabilitation / Menachem Agasi. - NewYork : Marcel Dekker,Inc , 1996 - 402 p.; 23cm, Phân loại: 631.45 MEN 1996, Tài liệu tham khảo
738	Saponins used in food and Agryculture / George R.Waller,Kazuo.Yamasaki. - New York,London : Plenum press , 1996 - 441 p.; 25cm., Phân loại: 630.247 783 SAP 1996, Tài liệu tham khảo
739	Trace elements in crop production / P.C. Srivastava,U.C. Gupta. - USA : Science publishers,Inc , 1996 - 356 p.; 23cm;+, Phân loại: 631.81 SRI 1996, Tài liệu tham khảo
740	Sorghum science / Ratikanta.Maiti. - New Delhi : Science Publishers,Inc , 1996 - 352 p.; 23cm, Phân loại: 633.174 MAI 1996, Tài liệu tham khảo
741	Dictionary of agriculture / Chhatwal Gurdeep.. - NewDelhi : Anmol publications PVT Ltd , 1996. - 339 p. ; 23cm ;+, Phân loại: 630.203 CHH 1996, Từ điển
742	Cherries : crop physiology, production and uses / A.D.Webster. - Wallingford : CAB International, 1996 - x, 513 p. : 26 cm, Phân loại: 634.1 CHE 1996, Tài liệu tham khảo
743	Tree-crop interactions : A physiological approach / Edited by: Chin K.Ong. - Wallingford : CAB International, 1996 - xv, 386 p. : 24 cm, Phân loại: 634.991 2 TRE 1996, Tài liệu tham khảo
744	Soybean : Genetics, molecular biology, and biotechnology . - Wallingford : CAB International, 1996 - x, 270 p. : 24 cm, Phân loại: 633.34 SOY 1996, Tài liệu tham khảo
745	Conservation and management of tropical rainforests : An integrated approach to sustainability./ Eberhard F.Brueinig. - Wallingford, Oxon. : CAB International, 1996 - xxi, 339 p., 1 plate : 25 cm, Phân loại: 634.92 BRU 1996, Tài liệu tham khảo

746	Cucurbits / R.W. Robinson , D.S. Decker-Walters. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CAB International, 1996 - viii, 226 p. : 24 cm, Phân loại: 635.61 ROB 1996, Tài liệu tham khảo
747	Hoá sinh cây trồng nông nghiệp: Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp. / Vũ Kim Bảng. - H.: Nông nghiệp. 1996 - 112 tr.; 27cm, Phân loại: 631.0, B2243, Giáo trình
748	Methods for the examination of organismal diversity in soils and sediments / Edited by Geoffrey S. Hall ; project coordinators, Pierre Lasserre and David L. Hawksworth.. - New York, NY, USA : CAB International in association with United Nations Educational, Scientific, 19 - xii, 307 p. : 24 cm., Phân loại: 631.46 MET 1996, Từ điển
749	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp 1956 - 1996. / Trường ĐH Nông nghiệp I Hà Nội. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 262 tr. ; 27cm, Phân loại: 630.7 TUY 1996, Tài liệu tham khảo
750	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp 1956-1966 : Kỷ niệm 40 năm thành lập 1956-1996 . - H. : Nông nghiệp, 1996. - 263 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.7 TUY 1996, Tài liệu tham khảo
751	Soil and plant analysis in sustainable agriculture and environment / Edited by Teresa M.Hood, J.Benton Jones. - New york: Marcel Dekker, Inc, 1996 - 864 p. ; 23cm, Phân loại: 631.41 SOI 1996, Tài liệu tham khảo
752	Các phương pháp lai thử và phân tích khả năng kết hợp trong các thí nghiệm về ưu thế lai / Ngô Hữu Tình, Nguyễn Đình Hiền. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 68 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 633.104.8 NGT 1996, Tài liệu tham khảo
753	Potential for forage legumes on land in West Africa : Land productivity assessment of legumes for crop-livestock systems . - Rome : FAO , 1996 - 108 p.; 27 cm, Phân loại: 633.3 POT 1996, Tài liệu tham khảo
754	Land husbandry : Components and strategy / Eric Roose. - Rome : FAO , 1996 - 378 p.; 27 cm, Phân loại: 631.4 ROO 1996, Tài liệu tham khảo
755	The cut flower industry : R & D Issues . - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996 - 80 Tr.; 22 cm, Phân loại: 635.951 CUT 1996, Tài liệu tham khảo
756	Joining farmers' experiments : Experimences in participatory technology development / Haverkort, Bertur. - London : Intermediate technology publication, 1996 - 269 Tr.; 19 cm, Phân loại: 631 JOI 1991, Tài liệu tham khảo

757	Mineral nutrient disorders of root crops in the pacific : Prosessings of a workshop, Nuku's aloga, Kingdom of TOna, 17-20 April 1995 / Editor by E.T.Craswell.. - Australia.: Australia center for international agricultural research, 1996 - 145 Tr.; 22 cm, Phân loại: 635.209 95 MIN 1996, Tài liệu tham khảo
758	Agro - Ecological zoning Guidelines : Soil resources, management and conservation service FAO land and Water development division / FAO Soils Bulletin. - Rome : FAO & Fiat Painis, 1996 - 80 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.47 AGR 1996, Tài liệu tham khảo
759	Economic evaluation of agricultural research in Australia and New Zealand : A workshop held in conjunction with the 40th annual conference of the Australian Agricultural and resource economics society 11-16 February 1996, Melbourne, Australia / Edited by J.P.Brennan, J.S.Davis. - Canberra : Australia Center for International Agricultural research, 1996 - 80 p. ; 30 cm, Phân loại: 630.7 ECO 1996, Tài liệu tham khảo
760	Principles of grain marketing : some lessons from Australian experience ./ A.S. Watson.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 47 p. ; 24 cm., Phân loại: 633.109 94 WAT 1996, Tài liệu tham khảo
761	Mycotoxin contamination in grains : papers presented at the 17th ASEAN Technical Seminar on Grain Postharvest Technology, Lumut, Malaysia, 25-27 July 1995 / editors, E. Highley and G.I. Johnson.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 145 p. ; 24 cm., Phân loại: 633.15 MIC 1996, Tài liệu tham khảo
762	Management of clay soils for rainfed lowland rice-based cropping systems : proceedings of ACIAR International Workshop held at the Bureau of Soil and Water Management, Quezon City, Manila 20-24 November 1995 ./ editors, G. Kirchhof and H.B. So.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 259 p. : 24 cm., Phân loại: 633.18 MAN 1996, Từ điển
763	Grain drying in Asia : proceedings of an international conference held at the FAO Regional Office for Asia and the Pacific, Bangkok, Thailand, 17-20 October 1995 / editors: B.R. Champ, E. Highley, and G.I. Johnson.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 410 p. : 24 cm., Phân loại: 633.15 GRA 1996, Tài liệu tham khảo
764	Sterility in wheat in subtropical Asia : extent, causes and solutions : proceedings of a workshop, 18-21 September 1995, Lumle Agricultural Research Centre, Pokhara, Nepal ./ editors; H.M. Rawson and K.D. Subedi.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 154 p. ; 24 cm., Phân loại: 633.11 STE 1996, Tài liệu tham khảo

765	Sugarcane germplasm conservation and exchange : report of an international workshop held in Brisbane, Queensland, Australia, 28-30 June 1995 / editors, B.J. Croft ... [et al.]. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - vi, 134 p.: 24 cm., Phân loại: 633.61 SUG 1996, Tài liệu tham khảo
766	Mineral nutrient disorders of root crops in the Pacific : proceedings of a workshop, Nuku'alofa, Kingdom of Tonga, 17-20 April 1995 / editors, E.T. Craswell, C.J. Asher and J.N. O'Sullivan.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 145 p. : 24 cm., Phân loại: 635.209 95 MIN 1996, Tài liệu tham khảo
767	South Pacific indigenous nuts : proceedings of a workshop 31 October - 4 November 1994, Le Lagon Resort, Port Vila, Vanuatu / editors, M.L. Stevens, R.M. Bourke and B.R. Evans.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 174 p. : 24 cm., Phân loại: 634.5 SOU 1994, Tài liệu tham khảo
768	The problem of maintaining soil fertility in eastern Kenya : a review of relevant research / J.R. Simpson, J.R. Okalebo & G. Lubulwa.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1996. - 60 p. ; 21 cm., Phân loại: 631.422 SIM 1996, Tài liệu tham khảo
769	The international Rice research institute annual report for 1974 . - Philippines : The International rice research institute, 1996 - 383 p. ; 25 cm, Phân loại: 633.18 INT 1974, Tài liệu tham khảo
770	Cây cà phê Việt Nam : Kỹ thuật trồng - dự báo phát triển đến năm 2000 / Nguyễn Sỹ Nghị.... - H. : Nông nghiệp, 1996 - 239 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 633.735 97 CAY 1996, Tài liệu tham khảo
771	Chuyển giao công nghệ lâm nghiệp vào sản xuất / Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 121 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.99 CHU 1996, Tài liệu tham khảo
772	Đất Việt Nam : Bản chú giải bản đồ đất tỷ lệ 1/1 triệu / Hội khoa học đất Việt Nam.. - H. : Nông nghiệp, 1996. - 171 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.4 ĐAT 1996, Tài liệu tham khảo
773	Program Report for 1995 / International Rice Research Institute. - Malina : nternational Rice Research Institute, 1996 - 318 p. ; 25 cm., Phân loại: 633.1 PRO 1996, Tài liệu tham khảo
774	International centre for research in agroforestry annual report 1996 . - Nairobi : United nations avenue 1996 - 340 ; 24 cm., Phân loại: 630.7 INT 1996, Tài liệu tham khảo

775	Giáo trình cây công nghiệp / Nguyễn Văn Bình, Vũ Đình Chính, Nguyễn Thế Côn.... - H. : Nông nghiệp, 1996 - 268 Tr ; 27cm., Phân loại: 633.8 GIA 1996, Tài liệu tham khảo
776	Hệ thống Nông nghiệp : Bài giảng cao học và nghiên cứu sinh Nông nghiệp / Phạm Chí Thành, Chủ biên; Phạm Tiến Dũng; Đào Châu Thu; Trần Đức Viên. - H. : Nông nghiệp, 1996 - 212 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.071 1 PHT 1996, Giáo trình
777	Vietnam Forest Trees / Vũ Văn Dũng Editor. - Hanoi Agricultural Publising House, 1996 - 788 Tr. ; 26 cm, Phân loại: 634.9 VIE 1996, Tài liệu tham khảo
778	Global Climate Change and Agricultural Production / Fakhri Bazzaz, Wim Sombroek Edited by. - New York John Wiley & Sons , 1996 - 345 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630 GLO 1996, Tài liệu tham khảo
779	Phân vi sinh vật chủng cho cây họ đậu và cách sử dụng . - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 1996 - 66 Tr. ; 11 x 18 cm, Phân loại: 631.87 PHA 1996, Tài liệu tham khảo
780	The Physiology of vegetable crops ./ Edited by: H.C. Wien. - Wallingford, UK ; New York : CAB International, c1997 - x, 662 p. : 26 cm, Phân loại: 635.221 PAY 1997, Tài liệu tham khảo
781	Temperate agroforestry systems ./ Edited by:M. Andrew. - Wallingford [England] ; New York : CAB International, - xi, 269 p. : 24 cm, Phân loại: 634.9 TEM 1997, Tài liệu tham khảo
782	Cây thuốc Việt Nam : Trồng hái, chế biến, trị bệnh ban đầu / Tác giả:Lê Trần Đức.. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997. - 1610 tr. , Phân loại: 633.885 97 LED 1997, Từ điển
783	Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao : Khoa học nông nghiệp / Người dịch:Nguyễn Hữu Mười, Hồ Khắc Tín. - Hà Nội : Khoa học kỹ thuật, 1997 - 280 tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 BOS 1996, Tài liệu tham khảo
784	Nông dược bảo quản và sử dụng / Nguyễn Xuân Thành. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 152 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.95 NGT 1997, Tài liệu tham khảo
785	Kết quả nghiên cứu khoa học về rau quả (1995-1997) / Viện Nghiên cứu rau quả. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 143 Tr. ; 27cm, Phân loại: 634 KET 1997, Tài liệu tham khảo
786	Kỹ thuật trồng một số loại rau cao cấp : Ớt, Ngô rau, Măng tây, Suplơ xanh, Cải bao / Tác giả:Mai Thị Phương Anh. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 160 Tr. , Phân loại: 635.043 MAA 1997, Tài liệu tham khảo
787	Dịch hại kiểm dịch thực vật Việt Nam = Quarantine pests of VietNam / Cục Bảo vệ thực vật. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 123 tr. : , Phân loại: 632.93 DIC 1997, Tài liệu tham khảo

788	Công nghệ sinh học thực vật trong cải tiến giống cây trồng : Giáo trình cao học / Tác giả:Lê Trần Bình, Hồ Hữu Nghị, Lê Thị Muội. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 188 Tr. , Phân loại: 633.523 3 CON 1997, Tài liệu tham khảo
789	Lý thuyết về khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khí hậu nông nghiệp./ Tác giả:Trần Đức Hạnh, Đoàn Văn Điềm, Nguyễn Văn Viết. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 160 Tr. , Phân loại: 632.1 TRH 1997, Tài liệu tham khảo
790	Chọn giống cây trồng = Plant Breeding / Chủ biên:Trần Đình Long.... - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 339 Tr. , Phân loại: 631.523 0711 CHO 1997, Tài liệu tham khảo
791	Giáo trình cây lương thực. Giáo trình dùng cho các trường Đại học Nông nghiệp / Tập 1,Bộ môn Cây lương thực.. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997. - 102 Tr. : 27 cm., Phân loại: 633.18 GIA 1997, Tài liệu tham khảo
792	Cây lương thực - Cây màu : Giáo trình dùng cho các trường Đại học Nông nghiệp / Chủ biên:Đinh Thế Lộc.. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997. - 160 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 633.1 GIA 1997, Tài liệu tham khảo
793	Glossary for agroforestry / By:Huxley Peter, Van Houten Helen. - Nairobi : ICRAF, 1997 - 108 p. ; 27 cm., Phân loại: 630 GLO 1997, Tài liệu tham khảo
794	Khuyến nông học : Giáo trình Nông nghiệp ./ Trần Văn Hà, Nguyễn Khánh Quốc. - H : Nông nghiệp , 1997 - 296Tr. ; 30cm, Phân loại: 630.715 TRH 1997, Tài liệu tham khảo
795	Sâu bệnh hại cây ăn trái / Nguyễn Văn Huỳnh. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 76 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632 NGH 1997, Tài liệu tham khảo
796	Dịch hại kiểm dịch thực vật Việt nam ./ Cục bảo vệ Thực vật. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 123 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.93 DIC 1997, Tài liệu tham khảo
797	Phương pháp nghiên cứu bảo vệ Thực vật. T1,Viện Bảo vệ Thực vật. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 99 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632 PHU 1997, Tài liệu tham khảo
798	Science of the rice plant. Vol 3 ./ Matsuo Takane. - Tokyo : Food and agriculture policy research center , 1997 - 1001p. ; 27 cm, Phân loại: 633.182 33 SCI 1997/3, Tài liệu tham khảo
799	Farmer-led integrated watershed management / Sen.Chandra, Prem N.Sharma. - Kathmandu : ICIMOD, 1997 - 212 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.62 FAR 1997, Tài liệu tham khảo
800	Lý luận và thực tiễn kiểm dịch thực vật / Cục bảo vệ thực vật. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 389 Tr. ; 19cm, Phân loại: 632.93 LYL 1997, Tài liệu tham khảo
801	Vấn đề đa canh hoá trong sản xuất nông nghiệp thực tiễn các tỉnh phía nam / Nguyễn Tài. - H. : Chính trị quốc gia, 1997 - 193 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631 NGT 1997, Tài liệu tham khảo

802	Các phương pháp mới trong tạo chọn giống cây trồng / Trần Duy Quý. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 347 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.233 TRQ 1997, Tài liệu tham khảo
803	Bảo quản chế biến nông sản sau thu hoạch / Trần Minh Tâm. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 402 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631 TRT 1997, Tài liệu tham khảo
804	Hỏi đáp về các chế phẩm điều hoà sinh trưởng tăng năng suất cây trồng / Lê Văn Tri. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 84 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 LET 1997, Tài liệu tham khảo
805	Cây mía / Lê Song Dư, Nguyễn Thị Quý Mùi. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 151 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.61 LED 1997, Tài liệu tham khảo
806	Nông dược bảo quản và sử dụng / Nguyễn Xuân Thành. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 152 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.95 NGT 1997, Tài liệu tham khảo
807	Vườn rau dinh dưỡng gia đình / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp , 1997 - 88 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635 NGH 1997, Tài liệu tham khảo
808	Công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn các nước Châu á và Việt nam / Nguyễn Điền. - H. : Chính trị quốc gia , 1997 - 286 Tr. ;19 cm, Phân loại: 630 CON 1997, Tài liệu tham khảo
809	Nấm ăn cơ sở khoa học và công nghệ nuôi trồng = Edible mushroom scientific base and cultivation technique:Sách chuyên khảo / Chủ biên: Nguyễn Hữu Đồng. - H. : Nông nghiệp , 1997 - 199 Tr.; 19 cm, Phân loại: 635.8 NAM 1997, Tài liệu tham khảo
810	Biodiversity in trust / Dominic Fuccillo. - Cambridge : Cambridge Univéity pres , 1997 - 371 p.; 27 cm, Phân loại: 631.523 BIO 1997, Tài liệu tham khảo
811	Seeds handbook : Biology,production,processing and stoge / BB.Desai,P.M.KOtecha,D.K.Salunkhe.. - Newyork : Marcel dekker,Inc , 1997. - 627 p. ; 25cm., Phân loại: 631.523 DES 1997, Từ điển
812	Biotechnology of ornamental plants / Edited by: R. L.Geneve. - Wallingford : CAB International, 1997 - x, 402 p. : 25 cm, Phân loại: 631.523 BIO 1997, Tài liệu tham khảo
813	Coping with risk in Agriculture / J. Brian Hardaker, Ruud B. M. Huirne. - Wallingford : CAB International, 1997 - xi, 274 p. : 24 cm, Phân loại: 630.684 HAR 1997, Tài liệu tham khảo
814	Soilborne diseases of tropical crops / Edited by: R.J. Hillocks. - Wallingford [England] ; New York : CAB International, 1997 - x, 452 p. : 25 cm, Phân loại: 632.309 13 SOI 1997, Tài liệu tham khảo
815	The mango : botany, production and uses . - Wallingford, UK ; New York : CAB International, 1997 - xv, 587 p., [12] p. of plates : , Phân loại: 634.44 LIT 1997, Tài liệu tham khảo

816	Biological indicators of soil health ./ Edited by: C.Pankhurst. - Wallingford ; New York : CAB International, 1997 - xi, 451 p. : 25 cm, Phân loại: 631.462 4 BIO 1997, Tài liệu tham khảo
817	The gene-for-gene relationship in plant-parasite interactions/ I.R.Crute. - Wallington, UK ; New York : CAB International, 1997 - xiv, 427 p. : 24 cm, Phân loại: 632.3 CRU 1997, Tài liệu tham khảo
818	Agroforestry for soil management / Anthony Young. - New York : CAB International in association with the. 1997 - viii, 320 p. : 24 cm, Phân loại: 631.4 YOU 1997, Tài liệu tham khảo
819	Postharvest physiology and storage of tropical and subtropical fruits ./ Edited by: S.K.Mitra. - New York : Cab International, 1997 - xviii, 423 p. : 24 cm, Phân loại: 634.6 POS 2002, Tài liệu tham khảo
820	Khí tượng nông nghiệp : Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng nông nghiệp / Chủ biên: Trần Quang Tộ. - H : Nông nghiệp , 1997 - 176 tr.; 27cm, Phân loại: 630.251 50711 GIA 1997, Giáo trình
821	Giáo trình giống cây trồng : Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH Nông nghiệp / Chủ biên: Luyện Hữu Chỉ. - H : Nông nghiệp , 1997 - 270 tr.; 27cm, Phân loại: 631.52 GIA 1997, Tài liệu tham khảo
822	Biotechnology and plant genetic resources : conservation and use / Edited by J.A. Callow, B.V. Ford-Lloyd, and H.J. Newbury.. - Wallingford, Oxon, UK ; New York, NY, USA : CAB International, 1997. - xii, 308 p. : 24 cm., Phân loại: 631.523 BIO 1997, Tài liệu tham khảo
823	Tổng quan phát triển ngành cao su Việt nam-thời kỳ 1996-2005 ./ Trần An Phong. - H.: Nông nghiệp, 1997 - 91 Tr.; 27 cm, Phân loại: 633.895 2 TON 1997, Tài liệu tham khảo
824	Soil quality for crop production and ecosystem health / edited by E.G. Gregorich and M.R. Carter.. - Amsterdam ; New York : Elsevier, 1997. - xv, 448 p. : 25 cm., Phân loại: 631.4 SOI 1997, Tài liệu tham khảo
825	Techniques for reducing pesticide use : Economic and environmental benefits / David Pimentel.. - Chichester, West Sussex, England ; New York : Wiley, 1997. - xii, 444 p. : 25 cm., Phân loại: 632.950 42 TEC 1997, Tài liệu tham khảo
826	Biological fixation of nitrogen for ecology and sustainables agriculture / Edited by Andrzej Legocki. - Berlin : Springer, 1997 - 328p. ; 24cm, Phân loại: 630.2 BIO 1997, Tài liệu tham khảo
827	Agro-food marketing / Edited by D.I.Padberg. - Oxon : CAB International, 1997 - 492 p. ; 24cm, Phân loại: 635.068 8 AGR 1997, Tài liệu tham khảo

828	Cây ngô nguồn gốc, đa dạng di truyền và quá trình phát triển / Ngô Hữu Tình. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 152 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 633.152 33 CAY 1997, Tài liệu tham khảo
829	Agro-Food marketing / Edited by:D.I Padberg,. - New york .: 1997 - 492 p.; 23 cm, Phân loại: 635.068 8 AGR 1997, Tài liệu tham khảo
830	Farmers' research in practice : Lesson from the field / Veldhuizen, Laurens van. - London : Intermediate technology publication, 1997 - 285 Tr.; 19 cm, Phân loại: 630.7 FAR 1997, Tài liệu tham khảo
831	Sustaining growth : Soil fertility management in tropical smallholdings./ Karl M.Muller-Samann. - Germany : Margrce, 1997 - 486 Tr.; 20 cm, Phân loại: 631.42 MUL 1994, Tài liệu tham khảo
832	A new soil conservation methodology and application to cropping systems in tropical steepplands : a comparative synthesis of results obtained in ACIAR Project PN 9201 / editors, K.J. Coughlan and C.W. Rose.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1997. - 147 p. : 24 cm., Phân loại: 631.4 ANE 1997, Tài liệu tham khảo
833	Breeding strategies for rainfed lowland rice in drought-prone environments : Proceedings of an International workshop held at Ubon, Ratchathani, Thailand 5-8 November 1996 / Editors:S.Fukai, M.Cooper, J.Salisbury. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1997 - 260 p. ; 24 cm., Phân loại: 633.18 BRE 1997, Tài liệu tham khảo
834	The distribution and importance of arthropod pests and weeds of agriculture and forestry plantations in Southern China / Li Li-Ying, Wang Ren and D.F. Waterhouse.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1997. - x, 185 p. : 30 cm., Phân loại: 632.652 059 LIY 1997, Tài liệu tham khảo
835	The major invertebrate pests and weeds of agriculture and plantation forestry in the southern and western Pacific / D.F. Waterhouse.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1997. - vi, 93 p. : 30 cm., Phân loại: 632 WAT 1997, Tài liệu tham khảo
836	Nutrient disorders of sweet potato / J.N. O'Sullivan, C.J. Asher and F.P.C. Blamey.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1997. - 136 p. : 18 x 26 cm., Phân loại: 635.229 OSU 1997, Tài liệu tham khảo
837	Agricultural extension and research : achievements and problems in national systems / Dennis L. Purcell, Jock R. Anderson.. - Washington, D.C. : World Bank, 1997. - xxi, 282 p. : 28 cm., Phân loại: 630.71 PUR 1997, Từ điển

838	Intensified systems of farming in the tropics and subtropics ./ J.A. Nicholas Wallis.. - Washington, D.C. : World Bank, 1997. - xiii, 203 p. : 28 cm., Phân loại: 630.913 WAL 1997, Tài liệu tham khảo
839	Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ nông nghiệp 1994-1995 / Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 432 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.7 KET 1997, Tài liệu tham khảo
840	Science of the rice plant : Indices Vol. Supplementary /Edited by Matsuo Takane. - Tokyo : Food and agriculture policy research center , 1997 - 1891p. ; 27 cm, Phân loại: 633.18233 SCI 1997, Tài liệu tham khảo
841	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 3 ./Trường Đại học Nông nghiệp I. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 272 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 KET 1997, Tài liệu tham khảo
842	Program Report for 1997 / International Rice Research Institute. - Manila : International Rice Research Institute, 1997 - 176 p. ; 25 cm., Phân loại: 633.1 PRO 1997, Tài liệu tham khảo
843	Rice production in Cambodia ./ Edited by H.J. Nesbitt. - Cambodia : Cambidia-IRRI-Australia Project, 1997. - 112 p.; 24cm, Phân loại: 633.18 RIC 1997, Tài liệu tham khảo
844	Pest management of rice farmers / K.L.Heong, M.M.Escalada. Edited by. - Philippines: International rice research institute, 1997 - xx,245 p. ; 19 cm., Phân loại: 632 PES 1997, Tài liệu tham khảo
845	Farmers' research in practice: Lessons from the field / Laurens van Veldhuizen, Ann Waters-Bayer, Ricardo Ramirez...Edited by. - London: technology publications, 1997 - xx,284 p. ; 19 cm., Phân loại: 630.7 FAR 1997, Tài liệu tham khảo
846	Applications of systems approaches at the field level. Volume 2 /M.J.Kropff, P.S.Teng, P.K.Aggarwal..... - London: Kluwer Academic publishers, 1997 - xx,456 p. ; 20 cm., Phân loại: 630.2 APP 1997, Tài liệu tham khảo
847	Applications of rice modelling / H.F.M. ten Berge, P.K.Aggarwal...Edited by. - Amsterdam : ELSEVIER, 1997 - 161 tr. ; 27 cm, Phân loại: 633.18 APP 1997, Tài liệu tham khảo
848	Farms, trees and farmers : Responses to agricultural intensification / J .E. Michael Arnold, Peter A. Dewees...Edited by. - London : Earthscan publications Ltd, 1997 - 291 tr. ; 20 cm, Phân loại: 633.104 FAR 1997, Tài liệu tham khảo
849	Agricultural extension and research achievements and problems in national systems / Dennis I. Purcell, Jock R. Anderson. - Washington. : The world bank, 1997 - 281 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.715 PUR 1997, Tài liệu tham khảo

850	Kết quả bước đầu nghiên cứu tác dụng phòng hộ nguồn nước của một số thảm thực vật chính và các nguyên tắc xây dựng rừng phòng hộ nguồn nước / Tác giả: Nguyễn Ngọc Lung, Võ Đại Hải. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1997 - 156 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.92 NGL 1997, Tài liệu tham khảo
851	Annual review of phytopathology. Vol 35 /Robert K. Webster. Editor. - California : Annual reviews Inc, 1997 - 414 p. ; 22 cm., Phân loại: 632.3 ANN 1997/35, Tài liệu tham khảo
852	100 loài cây bản địa(Gỗ có giá trị cao ở miền Nam Việt nam để trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất)... 100 Forest Woody species of the Southern Vietnam / Trần Hợp, Hoàng Quảng Hà. - H. : Nông nghiệp , 1997 - 202 Tr.; 24 cm, Phân loại: 634.9 TRH 1997, Tài liệu tham khảo
853	Global soil systematics & soils of the tropics and subtropics . - Germany : [] : 1997 - 137 Tr. ; 29 cm., Phân loại: 631.4 GLO 1997, Tài liệu tham khảo
854	Cây chè Việt nam / Đỗ Ngọc Quỳ, Nguyễn Kim Phong. - H. : Nông nghiệp, 1997 - 578 Tr. ; 20 cm, Phân loại: 633.72 ĐOQ 1997, Tài liệu tham khảo
855	Soil erosion at multiple scales : principles and methods . - Wallingford, UK ; New York : CABI Pub., c1998 - xii, 390 p. : 25 cm, Phân loại: 631.45 SOI 1998, Tài liệu tham khảo
856	Nematode vectors of plant viruses / C.E. Taylor. - Wallingford, Oxon [England] ; New York : CAB - xi, 286 p. : 25 cm, Phân loại: 632.8 TOY 1998, Tài liệu tham khảo
857	Seed biology and the yield of grain crops / Dennis B. Egli. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CAB International, - ix, 178 p. : 25 cm, Phân loại: 633.104 21 EGL 1998, Tài liệu tham khảo
858	Postharvest : An introduction to the physiology & handling of fruit, vegetables and ornamentals / Ron Wills.. - Sydney, Australia : UNSW Press ,1998. - x, 262 p. : 22 cm., Phân loại: 635.046 POS 1998, Tài liệu tham khảo
859	Genetic and environmental manipulation of horticultural . - New York : CABI Pub., c1998 - xii, 225 p. : 25 cm, Phân loại: 635.042 33 GEN 1998, Tài liệu tham khảo
860	Modified BEAM rubber agroforestry models : RRYIELD and RRECON ./ [P. Grist, K. Menz and Thomas]. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, c1998. - 43 p. ; 25 cm., Phân loại: 633.895 2 MOD 1998, Tài liệu tham khảo
861	Food and other crops in Fiji : an annotated bibliography / T.K. Lim and E.M. Fleming.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, [1998?] - 378 p. ; 24 cm., Phân loại: 633.099 611 LIM 1998, Tài liệu tham khảo
862	Irrigation fundamenals./ George H. Hargreaves, Gary P. Merkley. - America.: Water Resources, 1998 - 182p.; 27cm, Phân loại: 631.6 IRR 1998, Tài liệu tham khảo

863	Nông nghiệp nước Mỹ : Công nghiệp hoá, hiện đại hoá / Tác giả:Nguyễn Điền. - Hà Nội : Thống kê, 1998 - 336 Tr. ; 20 cm., Phân loại: 630.73 NGĐ 1998, Tài liệu tham khảo
864	Hệ thống nông nghiệp lưu vực Sông Hồng / Chủ biên:Đào Đức Tuấn, Bergeret Pascal. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 160 Tr. , Phân loại: 630.095 973 ĐAT 1998, Tài liệu tham khảo
865	265 giống cây trồng mới / Chủ biên:Trương Đích. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 324 Tr. , Phân loại: 633.57 TRĐ 1998, Tài liệu tham khảo
866	Biện pháp canh tác phòng chống sâu bệnh và cỏ dại trong nông nghiệp / Tác giả:Phạm Văn Lâm. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 80 Tr. , Phân loại: 632.5 PHL 1998, Tài liệu tham khảo
867	Kết quả khảo kiểm nghiệm giống cây trồng. Tập I /Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 80 Tr. , Phân loại: 631.521 KET 1998, Tài liệu tham khảo
868	Canh tác bền vững trên đất dốc ở Việt Nam = Sustainable Farming On Sloping Lands / Chủ biên: Thái Phiên, Nguyễn Tử Siêm. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 339 Tr. , Phân loại: 631.586 597 THP 1998, Tài liệu tham khảo
869	Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp năm 1997 / Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 328 Tr. , Phân loại: 630.72 KET 1998, Tài liệu tham khảo
870	Sổ tay phân tích đất, nước, phân bón, cây trồng / Viện thổ nhưỡng nông hoá. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 595 Tr. , Phân loại: 631.8 SOT 1998, Tài liệu tham khảo
871	Giáo trình cây ăn quả / Chủ biên:Trần Thế Tục.. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998. - 268 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 634 GIA 1998, Tài liệu tham khảo
872	Bệnh cây nông nghiệp : Giáo trình dùng cho các trường Đại học nông nghiệp / Chủ biên:GS.Vũ Triệu Mân,PGS.Lê Lương Tề. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1998 - 294 Tr. : 27 cm., Phân loại: 632 VUM 1998, Tài liệu tham khảo
873	Land degradation and agricultural sustainability:Case studies from southeast and East ASIA : A Collaborative Study of the East-West Center program on environment and the SUAN sustainable land use task group in cooperation with the Eci Asia Long-Term project of the Japan Environment Agency / By:Aran Patanothai. - Thailand : Khon Kaen University, 1998 - 258 p. ; 24 cm., Phân loại: 631.4 LAN 1998, Tài liệu tham khảo
874	Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia [PRA] trong hoạt động khuyến nông, khuyến lâm . - H. : Nông nghiệp, 1998 - 112 tr. ; 25 cm., Phân loại: 630.715 PHU 1998, Tài liệu tham khảo

875	Trồng trọt. Giáo trình dùng cho Sinh viên các trường Cao đẳng Sư phạm / Tập 1, Chủ biên: Vũ Hữu Yên. - H. : Giáo dục, 1998 - 244 tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.5 TRO 1998, Tài liệu tham khảo
876	Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá Nông nghiệp, Nông thôn : Một số vấn đề lý luận và thực tiễn / Chủ biên: Hồng Vinh. - H. : Chính trị quốc gia, 1998 - 420 tr. ; 20 cm., Phân loại: 630 HOV 1998, Tài liệu tham khảo
877	Cây Đậu xanh / Tác giả: Trần Đình Long, Lê Khả trường. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 128 tr. ; 20 cm., Phân loại: 633.37 TRL 1998, Tài liệu tham khảo
878	Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng Nông nghiệp-IPM Quản lý dịch hại tổng hợp : Bài giảng dùng cho cao học và nghiên cứu sinh Nông nghiệp / Tác giả: Hà Quang Hùng.. - H. : Nông nghiệp, 1998. - 120 tr. : 27 cm., Phân loại: 632.96 HAH 1998, Giáo trình
879	. - H : Nông nghiệp , 1998 - 71 tr. ; 27 cm, hình vẽ, Phân loại: 631.8 K5261, Giáo trình
880	Đánh giá đất : Dùng cho học sinh các ngành Khoa học đất, Quản lý đất đai, Nông học, Kinh tế NN / Biên soạn: Đào Châu Thu, Nguyễn Khang. - H : Nông nghiệp , 1998 - 144 tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.47 DAT 1998, Giáo trình
881	Tropical plant diseases ./ Author: H. David Thurston. - APS : USA , 1998 - 200p. ; 27 cm, Phân loại: 632.3 THU 1998, Tài liệu tham khảo
882	Cẩm nang sử dụng phân bón / Hoàng Minh Châu. - H. : Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật hoá chất, 1998 - 342 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 CAM 1998, Tài liệu tham khảo
883	Ngành nghề nông thôn Việt Nam = Kết quả điều tra ngành nghề nông thôn 1997. . - H. : Nông nghiệp, 1998. - 527 Tr. ; 29 cm., Phân loại: 630.209 597 NGA 1998, Từ điển
884	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 8 ./ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 336 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630 KET 1998, Tài liệu tham khảo
885	Trao đổi với nông dân cách làm ăn ./ Nguyễn Lân Hùng. - H. : Nông nghiệp , 1998 - 200Tr. ; 19cm; 10.000đ, Phân loại: 630.715 NGH 2000, Tài liệu tham khảo
886	Building farmer's organisations intergrated management in india. A trainer' manual / Yogesh Kum Bhatt.. - Kathmandu : Society for participatory research in Asia, 1998 - 194 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.21 BHA 1998, Tài liệu tham khảo
887	Aglimpse of indigenous technology knowledge (IIK) for watershed management in upper north-west himalayass of India / L.R.Verma. - India : WATMAIEC, 1998 - 97 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.7 VER 1998, Tài liệu tham khảo

888	Sổ tay sử dụng nông dược / Biên Soạn: Phùng Tuấn Cảnh. - Tp. HCM. : Nông nghiệp, 1998 - 214 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.95 SOT 1998, Tài liệu tham khảo
889	Sổ tay hướng dẫn đồng ruộng các loại sâu, bệnh và mất cân đối dinh dưỡng chính của cây khoai lang / aA.R, Braun; B, Hardy. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 109 Tr. ; 19cm, Phân loại: 635.229 SOT 1998, Tài liệu tham khảo
890	Chuột hại lúa ở Việt nam và phòng trừ tổng hợp ./ Nguyễn Quý Hùng, Nguyễn Hạnh Hùng, Nguyễn Đức Sáng. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 63 Tr. ; 19cm, Phân loại: 632.591 CHU 1998, Tài liệu tham khảo
891	Công nghiệp nước Mỹ công nghiệp hoá, hiện đại hoá / Nguyễn Điền. - H. : Thống kê, 1998 - 336 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630.73 NGĐ 1998, Tài liệu tham khảo
892	Khuyến nông / A.W.Vanden Ban, H.S, Hawkins. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 202 Tr. ; 19cm, Phân loại: 630.715 VAN 1998, Tài liệu tham khảo
893	Hướng dẫn kỹ thuật thâm canh các giống lúa chuyên mùa chất lượng cao / Nguyễn Văn Hoan.. - H. : Nông nghiệp, 1998. - 83 Tr. ; 19cm., Phân loại: 633.18 NGH 1997, Tài liệu tham khảo
894	Khoa học đại chúng phục vụ nông nghiệp và nông thôn / Chủ biên:Đái Duy Ban. - H. : Nông nghiệp , 1998 - 120 tr.;19 cm , Phân loại: 630 ĐAB 1998, Tài liệu tham khảo
895	Principles of horticulture ./ C.R. Adams.,K.M. Bamford,M.P. Early. - Oxford... : Butterworth-Heinemann , 1998 - 213 p.; 24cm, Phân loại: 635 ADA 1984, Tài liệu tham khảo
896	Sulphur in agroecosystems / Ewald Schnug. - Dordrecht : Kluwer academic publishers , 1998 - 221 p.; 24cm, Phân loại: 631.8 SUL 1998, Tài liệu tham khảo
897	The pathology of food and pasture legumes . - Wallingford, UK ; New York : CAB International, in 1998 - xvi, 750 p. [8] p. of plates : 25 cm, Phân loại: 633.304 93 ALL 1998, Tài liệu tham khảo
898	Plant nematode control ./ A.G. Whitehead. - New York : CAB International, 1998 - viii, 384 p. : 26 cm, Phân loại: 632.625 7 WHI 1997, Tài liệu tham khảo
899	Forage seed production / Edited by: D.T. Fairey. - New York : CAB International, 1998 - v.420p. ; 25 cm, Phân loại: 633.208 21 FOR 1997, Tài liệu tham khảo
900	Fungicides in crop protection / H.G. Hewitt. - Wallingford, Oxon, UK ; New York, NY : CAB International, 1998 - vii, 221 : 25 cm, Phân loại: 632.952 HEW 1998, Tài liệu tham khảo
901	Carbon and nutrient dynamics in natural and agricultural tropical ecosystems / Edited by: L.Bergstrom. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : Cab International, 1998 - x, 319 p. : 24 cm, Phân loại: 631.422 CAR 1998, Tài liệu tham khảo

902	Tropical fruits / Henry Y. Nakasone , Robert E. Paull. - Wallingford, UK ; New York : CAB International, 1998 - xvi, 445 p., [8] p. of plates : , Phân loại: 634.6 NAK 1998, Tài liệu tham khảo
903	Controlled atmosphere storage of fruits and vegetables / A.K.Thompson. - Oxon ; New York, NY : CAB International, 1998 - xii, 278 p. : 24 cm, Phân loại: 635.046 8 THO 1998, Tài liệu tham khảo
904	Temperate forage legumes / J. Frame, J.F.L. Charlton,. - Wallingford, Oxon, UK ; New York, NY, USA : CAB Pub. 1998 - viii, 327 p. : 24 cm, Phân loại: 633.309 12 FRA 1998, Tài liệu tham khảo
905	Information technology, plant pathology, and biodiversity/ Edited by: Paul Bridge.... - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CAB International 1998 - xiv, 478 p. : 25 cm, Phân loại: 632.3 INF 1998, Tài liệu tham khảo
906	Agricultural values of plant genetic resources / Edited by R.E. Evenson, D. Gollin, V. Santaniello.. - Wallingford, UK ; New York : CAB International, 1998. - xvi, 285 p. ; 25 cm., Phân loại: 631.52 AGR 1998, Tài liệu tham khảo
907	Plant breeding and whole-system crop physiology : Improving crop maturity, adaptation, and yield / D.H. Wallace and Weikai Yan.. - Oxon, UK ; New York, NY, USA : CABI International, 1998. - xxv, 390 p. : 25 cm., Phân loại: 631.52 WAL 1998, Tài liệu tham khảo
908	Phân bón và cây trồng: Giáo trình Dùng cho HV Sau ĐH khối Nông học / Võ Minh Kha. - H.: Nông nghiệp, 1998 - 70 tr.; 27 cm., Phân loại: 631.8 VOK 1998, Tài liệu tham khảo
909	Phân tích nông hoá thổ nhưỡng: Giáo trình dùng cho hệ sau ĐH / Nguyễn Đình Mạnh. - H.: Nông nghiệp, 1998 - 98 Tr.; 27cm., Phân loại: 631.4 NGM 1998, Giáo trình
910	Principles of ecology in plant production / Edited by T.R. Sinclair and F.P. Gardner.. - Oxon [England] ; New York, NY : Cab International, 1998. - x, 189 p. : 25 cm., Phân loại: 630.277 PRI 1998, Tài liệu tham khảo
911	Institutional and technical options in the development and management of small-scale irrigation: Proceedings of the third session of the multilateral cooperation workshops for sustainable agriculture, forestry and fisheries development . - Rome : Food and Agriculture organization of the united Nation, 1998 - 144p. ; 30cm, Phân loại: 631.62 INS 1998, Từ điển

912	Upland farming systems in the LAO PDR-problems and opportunities for livestock : Proceedings of International workshop held in Vientiane, Laos 18-23 May, 1997 / Editors: E.C.Chapman, Bounthong bouahom, Peter Kurt Hansen. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1998 - 203 p. ; 24 cm., Phân loại: 630.2 UPL 1998, Tài liệu tham khảo
913	Leucaena adaptation, quality and farming systems : Proceedings of a workshop held in Hanoi, Vietnam 9-14 February, 1998 / Editors: H.M.Shelton, R.C.Gutteridge, B.F.Mullen. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1998 - 358 p. ; 24 cm., Phân loại: 630 LEU 1998, Tài liệu tham khảo
914	Disease control and storage life extension in fruit : Proceedings of an International workshop held at Chiang Mai, Thailand, 22-23 May, 1997 / Editors:L.M.Coates, P.J.Hofman, G.I.Johnson. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1998 - 166 p. ; 24 cm., Phân loại: 632.3 DIS 1998, Tài liệu tham khảo
915	Soil fertility management./ Laura Van Scholl. - Amsterdam: CTA. , 1998 - 80 p.; 22 cm, Phân loại: 631.422 SCH 1998, Tài liệu tham khảo
916	Biological control of insect pests : Southeast Asian prospects / D.F. Waterhouse.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1998. - vii, 548 p. : 26 cm., Phân loại: 632.960 959 WAT 1998, Tài liệu tham khảo
917	Saline agriculture for irrigated land in Pakistan : A handbook / R.H.Qureshi, E.G. Barrett- Lennard. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1998 - vi 142 p. : 30 cm., Phân loại: 631.587 095 QUR 1998, Tài liệu tham khảo
918	Field experiments with forages and crops : practical tips for getting it right the first time / Yvonne Cheng and Peter Horne.. - Canberra, A.C.T. : ACIAR : AusAID ; Vientiane, Laos : Forages for Smallholders Project, 1998. - vi, 48 p. : 21 cm., Phân loại: 633.2 CHE 1998, Tài liệu tham khảo
919	Phương pháp đánh giá nông thôn coa người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm / Cục khuyến nông và khuyến lâm - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 112 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.715 PHU 1998, Tài liệu tham khảo
920	Thống kê toán học trong nông nghiệp / Ngô Kim Khôi. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 174 Tr.; 27 cm, Phân loại: 634.021 2 NGK 1998, Tài liệu tham khảo
921	Ngành nghề nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra ngành nghề nông thôn 1997 / Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 527 Tr. ; 30,5 cm, Phân loại: 630.209 597 NGA 1998, Tài liệu tham khảo

922	Taylor's guide to growing North America's favorite plants : proven perennials, annuals, flowering trees, shrubs, & vines for every garden / Barbara W. Ellis.. - Boston : Houghton Mifflin, 1998. - x, 342 p. : 29 cm., Phân loại: 635.909 7 ELL 1998, Tài liệu tham khảo
923	Toward school and community collaboration in social forestry : Lessons from Thai Experience / Maureen H. McDonough and Christopher U. Wheeler. - Michigan : Michigan State University, 1998. - 77 p. ; 24 cm., Phân loại: 634 MCD 1998, Tài liệu tham khảo
924	Cover crops in hillside agriculture farmer innovation with mucuna / Daniel Buckles, Bernard Triomphe, Gustavo Sain. - Canada: International development research centre, 1998 - 218 p. : 24 cm., Phân loại: 631.452 BUC 1998, Tài liệu tham khảo
925	Cover crops in west africa: Contributing to sustainable agriculture = Plantes de couverture en afrique de l'ouest: Une contribution à l'agriculture durable / D. Buckles, A. Eteka, O.Osiname,...Edited by. - Canada: International development research centre, 1998 - 289 p. : 24 cm., Phân loại: 631.452 COV 1998, Tài liệu tham khảo
926	Integrated coastal area mangement and agriculture, forestry and fisheries . - Rome. : Food and agriculture organization of the united nations, 1998 - 256 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 630.201 INT 1998, Tài liệu tham khảo
927	Australian centre for international agricultural tearch: Annual report 1997 - 1998 . - Canberra : Australian center for international, 1998 - 127 Tr. ; 24 cm., Phân loại: 630.7 AUS 1998, Tài liệu tham khảo
928	Nutrient use in Crop Prodution./ Zdenko Rengel. - New York.: Food Products press, 1998 - 267p.; 20cm, Phân loại: 631.8 REN 1998, Tài liệu tham khảo
929	Maize science / Ratikanta Maiti. - USA: Science publishers, Inc 1998 - 517 p. 23 cm., Phân loại: 633.15 MAI 1998, Tài liệu tham khảo
930	Concepts and breeding of heterosis in crop plant / kendall R. Lamkey, Jack E. Staub. Editors. - Madison: Crop science society of america, 1998 - 127 p. ; 19 cm., Phân loại: 633.104 2 CON 1998, Tài liệu tham khảo
931	Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng Nông nghiệp-IPM Quản lý dịch hại tổng hợp : Bài giảng dùng cho cao học và nghiên cứu sinh Nông nghiệp / Hà Quang Hùng. - H. : Nông nghiệp, 1998 - 120 Tr. : 27 cm., Phân loại: 632.96 HAH 1998, Giáo trình
932	Strengthening national agricultural research systems: Policy issues and good practice / Derek Byerlee; Gary E. Alex. - Washington : The world bank , 1998 - 88 Tr. ; 29cm., Phân loại: 630.7 BYE 1998, Tài liệu tham khảo
933	Participatory curriculum development in agricultural education: A training guide / Alan Rogers; Peter Taylor; ...[et al], Prepared by. - Rome : FAO , 1998 - 154 Tr. ; 29cm., Phân loại: 630.7 PAR 1998, Tài liệu tham khảo

934	Institutional reform and co - operation in irrigated agriculture / Charles L. Abernethy and Franz heim, editors. - Germany: Deutsche stiftung fur internationale entwicklung..., 1998 - 333 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 631.62 INS 1998, Tài liệu tham khảo
935	Cut flower production in ASIA / M. K. Papademetriou; Narendra K. Dadlani, Edited by. - Bangkok: FAO, 1998 - 80 Tr. ; 29 cm, Phân loại: 635.977 13 CUT 1998, Tài liệu tham khảo
936	Soybean feeds the World / Banpot Napompeth Edited by. - Bangkok : Kasetsart University Press, 1998 - 576 tr.: 30 cm, Phân loại: 633.34 SOY 1998, Tài liệu tham khảo
937	Crop Protection Reference / . - New York : C7P Press, 1998 - 844 tr.: 30 cm, Phân loại: 632.2 CRO 1998, Tài liệu tham khảo
938	Incomes from the forest : methods for the development and conservation of forest products for local communities / editors, Eva Wollenberg and Andrew Ingles.. - Bogor, Indonesia : Center for International Forestry Research ; [Bangkok] : World Conservation Union - x, 227 p. : 24 cm., Phân loại: 634.9 INC 1998, Tài liệu tham khảo
939	Field experiments with forages and crops: Practical tips for getting it right the first time / Yvonne Cheng and Peter Horne. - Canberra : Aciar ; 1998 - 48 p. ; 21 cm, Phân loại: 631.5 CHE 1998, Tài liệu tham khảo
940	Một số vấn đề về du canh liên quan đến kiến thức kỹ thuật cổ truyền và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên tại vùng nhiệt đới ẩm thuộc Á-Phi-Mỹ La tinh / T/g:Katherine Warner. - H. : [s.n.] - 70 tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.5818 MOT 1999, Tài liệu tham khảo
941	Herbs & edible flowers : easy plants for more beautiful gardens. . - Boston : Houghton Mifflin, c1999. - 113 p. : 22 cm., Phân loại: 635.7 HER 1999, Tài liệu tham khảo
942	Managing agricultural biotechnology : Addressing research program needs and policy implications / edited by Joel I. Cohen.. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub. in association with the International Service for Natio - xxi, 323 p. : cm., Phân loại: 631.5 MAN 1999, Tài liệu tham khảo
943	Một số vấn đề về cây lúa : Giáo trình dùng cho đào tạo Sau đại học / Tác giả: Bùi Huy Đáp. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 154 tr. ; 27 cm., Phân loại: 633.18 BUD 1999, Tài liệu tham khảo

944	Postharvest technology in Asia: The 5th. JIRCAS International Symposium- A step Forward to Stable food products September 9-10/1998 Tsukuba JAPAN ./ Nawa Y., Takagi H., Noguchi A., Tsubota K.. - Jircas : Ministry of agriculture, forestry and eisheries Japan , 1999 - 378p. ; 25 cm, Phân loại: 631.56 POS 1999, Tài liệu tham khảo
945	Giáo trình hệ thống nông nghiệp = Dành cho sinh viên trường Nông Lâm nghiệp ./ Trần Ngọc Ngoan. - H : Nông nghiệp , 1999 - 200Tr. ; 30 cm, Phân loại: 630.0711 HET 1999, Tài liệu tham khảo
946	Giáo trình đất ./ Nguyễn Thế Đăng. - H : Nông nghiệp , 1999 - 203Tr. ; 30 cm, Phân loại: 631.4 NGĐ 1999, Tài liệu tham khảo
947	Máy thu hoạch nông nghiệp : Giáo trình dành cho sinh viên ngành Cơ khí Nông nghiệp . / GS.PTS. Phạm Xuân Vượng.. - H. : Giáo dục , 1999. - 263p. ; 19x27 cm; 23.500đ., Phân loại: 631.371 PHV 1999, Giáo trình
948	Mạng điện nông nghiệp ./ Chủ biên: Nguyễn Văn Sắc. - H : Giáo dục , 1999 - 204p. ; 19x27 cm; 18.400đ, Phân loại: 631.371 MAN 1999, Tài liệu tham khảo
949	Sửa chữa ô tô-Máy kéo ./ Chủ biên: Nguyễn Nông. - H : Giáo dục , 1999 - 211Tr. ; 19x27cm; 19.400đ, Phân loại: 631.372 NGN 1999, Tài liệu tham khảo
950	VAC gia đình / Phạm Văn Trang. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 191 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 PHT 1999, Tài liệu tham khảo
951	Kỹ thuật thâm canh lúa ở hộ nông dân / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 101 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.18 NGH 1999, Tài liệu tham khảo
952	Kỹ thuật gieo trồng chế biến chè và cà phê / Bùi Thế Đạt. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 97 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.72 BUĐ 1999, Tài liệu tham khảo
953	Kỹ thuật trồng mía ở vùng đồi núi / Trần văn Sỏi. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 244 Tr. ; 19 cm , Phân loại: 633.61 TRS 1999, Tài liệu tham khảo
954	Kỹ thuật trồng cà phê mật độ dày cho năng suất cao / Đỗ Trọng Hùng. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 100 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.73 ĐOH 1999, Tài liệu tham khảo
955	Mẫu xây dựng hệ thống thủy nông cho lúa, rau màu / Đỗ Trọng Hùng. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 79 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.62 ĐOH 1999, Tài liệu tham khảo
956	Biện pháp canh tác phòng chống sâu bệnh và cỏ dại trong nông nghiệp / Phạm Văn Lâm. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632 PHL 1999, Tài liệu tham khảo
957	Etylen và ứng dụng trong trồng trọt / Chủ biên:Nguyễn Quang Thạch. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 74 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.58 NGT 1999, Tài liệu tham khảo
958	Kỹ thuật trồng các giống ngô mới năng suất cao / Trương Đích. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 54 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.15 TRĐ 1999, Từ điển

959	Hướng dẫn kỹ thuật thâm canh các giống lúa chuyên mùa chất lượng cao / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.18 NGH 1999, Tài liệu tham khảo
960	Chiết ghép, giâm cành, tách chồi cây ăn quả / Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 115 Tr.; 19 cm, Phân loại: 634.043 4 TRT 1999, Tài liệu tham khảo
961	Bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng . - H. : Nông nghiệp, 1999 - 74 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 BON 1999, Tài liệu tham khảo
962	Nấm ăn, nấm dược liệu. Công dụng và công nghệ nuôi trồng / Nguyễn Hữu Đống. - H. : Hà nội, 1999 - 188 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.8 NGĐ 1999, Tài liệu tham khảo
963	Hướng dẫn quản lý dịch hại tổng hợp trên lúa (IPM) / Chủ biên: Nguyễn Văn Thiêm. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 28 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632 NGT 1999, Tài liệu tham khảo
964	Tạo dáng bon sai / Liên Trí Hưng. - H. : Văn hoá thông tin, 1999 - 109 Tr. ; 27cm, Phân loại: 635.977 2 LIH 1999, Tài liệu tham khảo
965	Nghề làm vườn. Cơ sở khoa học và hoạt động thực tiễn / Tập I :Đường Hồng Dật. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 160 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634 ĐUD 1999, Tài liệu tham khảo
966	Trồng cây ăn quả ở Việt nam / Vũ Công Hậu. - T.P.Hồ Chí Minh : Nông nghiệp, 1999 - 488 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634 VUH 1999, Tài liệu tham khảo
967	Khuyến nông / A.W.VandenBan. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 202 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.715 VAN 1999, Tài liệu tham khảo
968	Số liệu thống kê nông lâm nghiệp, thủy sản Việt nam 1990-1998 và dự báo năm 2000 = Stastical data of agriculture, forestry and fishery 1990-1998 and forecast in the year 2000. . - H. : Thống kê, 1999. - 397 Tr. ; 24 cm., Phân loại: 630.2 SOL 1999, Tài liệu tham khảo
969	Sổ tay khuyến nông, khuyến lâm của nông dân miền núi. T2,Bạch Diễm. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 168 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 SOT 1999, Tài liệu tham khảo
970	Sổ tay khuyến nông, khuyến lâm của nông dân miền núi. Dự án GCP/VIE/020/ITA ./ T1,Đoàn Diễm. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 92 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 SOT 1999, Tài liệu tham khảo
971	Đất đồi núi Việt nam thoái hoá và phục hồi ./ Nguyễn Tử Siêm, Thái Phiên. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 412 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.4 NGS 1999, Tài liệu tham khảo
972	Nghề làm vườn. Tập 1,Đường Hồng Dật. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 160 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634 ĐUD 1999, Tài liệu tham khảo
973	Phương pháp nghiên cứu bảo vệ Thực vật. T2,Viện Bảo vệ Thực vật. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 54 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632 PHU 1999, Tài liệu tham khảo

974	Staff development workshop in environment agriculture and rural development: Dự án hợp tác giữa UWS và HAU1./ Mackenzie Brian. - H : Hanoi agricultural university VN , 1999 - 300p. ; 27 cm, Phân loại: 630 STA 1999, Tài liệu tham khảo
975	Di truyền học : Giáo trình dùng cho các trường ĐH khối Nông, Lâm, Ngư / Nguyễn Hồng Minh.. - H. : Nông nghiệp, 1999. - 355 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.523 3 NGM 1999, Giáo trình
976	Some successful indigenous technologies and practies for watershed management in Thailand / Prem N.Sharma. - Bangkok : Thailand, 1999 - 36 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.7 SOM 1999, Tài liệu tham khảo
977	Some Indigenous Technology Knowledge and practices for watershed management in sri lanka / Prem N. Sharma. - Sri Lanka : University of peradeniya, 1999 - 36 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.7 SOM 1999, Tài liệu tham khảo
978	The status of formal watershed management in Asia / Prem N. Sharma ,Mohan P.Wagley. - Kathmandu : PWMTA, 1999 - 102 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.62 STA 1999, Tài liệu tham khảo
979	Report on the red river delta Gathering of Asian farmers./ Red river delta Areas Vietnam. - H. : Agriculture publishing House, 1999 - 143 p. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 REP 1999, Tài liệu tham khảo
980	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 3,Viện thổ nhưỡng nông hoá. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 596 Tr. ; 22 cm, Phân loại: 631.4 KET 1999/3, Tài liệu tham khảo
981	Kỹ thuật trồng một số loại rau cao cấp : Ớt, ngô ,rau,măng tây,sulơ xanh,cải bao / Mai Thị Phương Anh. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 155 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.04 MAA 1999, Tài liệu tham khảo
982	Cây Chò đãi : Carya sinensis Dode:Sách được xuất bản với sự tài trợ của WWF / Nguyễn Bá Thụ,Vũ Văn Cần. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 84 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.972 NGT 1999, Tài liệu tham khảo
983	Kỹ thuật trồng rau sạch / Trần Khắc Thi. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 112 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.048 TRT 2000, Tài liệu tham khảo
984	Cây đậu tương kỹ thuật trồng và chế biến sản phẩm / Phạm Văn Thiều. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 100 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.348 PHT 2000, Tài liệu tham khảo
985	Nghiên cứu sử dụng giống lai tự nhiên giữa keo tai tượng và keo lá tràm ở Việt nam = studies on the use of natural Hybrids between acacia mangiun and Acacia auriculyformis in Việt Nam / Lê Đình Khả. - Hà nội. : Nông nghiệp, 1999 - 207 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.97 LEK 1999, Tài liệu tham khảo
986	Sổ tay điều tra phân loại đánh giá đất / Tôn Thất Chiêu.... - Hà nội. : Nông nghiệp, 1999 - 1975 Tr. ; 19cm, Phân loại: 631.44 SOT 1999, Tài liệu tham khảo

987	Hướng dẫn kỹ thuật trồng cây ca cao / Nguyễn Văn Uyển. - TP.HCM : Nông nghiệp, 1999 - 110 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.8 NGU 1999, Tài liệu tham khảo
988	Biological control of weeds = A world catalogue of agents and their target weeds./ M.H.Julien,M.W.Griffiths.. - Oxon : CABI Publishing , 1999 - 223 p.; 29 cm, Phân loại: 632.96 BIO 1998, Tài liệu tham khảo
989	Application of pesticides to crops ./ Graham A.Matthews.. - London. : Imperial college press , 1999 - 325 p.; 22 cm, Phân loại: 632.95 APP 1999, Tài liệu tham khảo
990	Molecular biology of rice / K.Shimamoto. - Tokyo : Springer , 1999 - 304 p.; 24cm, Phân loại: 633.182 MOL 1999, Tài liệu tham khảo
991	A text book of soil analysis / T.C.Baruah, H.P.Barthakur. - New Delhi : Vikas publishing house PVT Ltd , 1999 - 334 p.; 24cm, Phân loại: 631.41 BAR 1997, Tài liệu tham khảo
992	Britain's Rare of Flowers / Peter Marren. - London : Tand A D Poyser Ltd , 1999 - 337 p.; 26cm, Phân loại: 635.977 13 BRI 1999, Tài liệu tham khảo
993	Horticulture = Principles and practices / George.Acquaah. - New Jersey : Prentice hall,Inc press , 1999 - 772 p.; 28cm., Phân loại: 635 ACQ 1999, Tài liệu tham khảo
994	Biotechnology in Agriculture and forestry = Transgenic crops 1/ Y.P.S. Bajaj. - Berlin : Springer , 1999 - 393 p.; 24cm., Phân loại: 631.523 3 BIO 2000, Tài liệu tham khảo
995	Soil fertility and fertilizer = An introduction to nutrient managemant / John L.Havlin. - Newjersey : Prentice Hall , 1999 - 499 p.; 25cm, Phân loại: 631.422 SOI 1999, Tài liệu tham khảo
996	Farm management / Ronald D.Key,William M.Edwards.. - Boston : The Mc Graw-Hill companies,Inc , 1999. - 494 p. ; 24cm Includes bibliographical references and index., Phân loại: 630.68 KAY 1999, Từ điển
997	Statistical Experiment design and interpretation = An introduction with Agricultural examples / Claire A.Collins,Frances M.Seeney. - Chichester : John wiley and sons,Ltd , 1999 - 280 p.; 23cm, Phân loại: 630.72 COL 1999, Tài liệu tham khảo
998	Cycles of soil = Carbon,Nitrogen,Phosphorus,sulfur, Micronutriens / F.J.Stevenson,M.A. Cole. - New york : John wiley and sons,Inc , 1999 - 427 p.; 23cm.+, Phân loại: 631.4 STE 1999, Tài liệu tham khảo
999	Sugar cane cultivation and management / H.Bakker. - New york : Kluwer academic , 1999 - 679 p.; 26cm ;, Phân loại: 633.61 BAK 1999, Tài liệu tham khảo
1000	Coffee, Cocoa and Tea / K. C. Willson. - Oxon ; New York : CABI Pub., 1999 - xi, 300 p. : 24 cm, Phân loại: 633.73 WIL 1999, Tài liệu tham khảo

1001	Carrots and related vegetable Umbelliferae / V.E.Rubatzky. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub., 1999 - ix, 294 p. : 24 cm, Phân loại: 635.13 RUB 1999, Tài liệu tham khảo
1002	Temperate and subtropical fruit production ./ Edited by: D.I.Jackson. - Wallingford, UK ; New York : CABI Pub., 1999 - xi, 332 p. : 25 cm, Phân loại: 634 TEM 1999, Tài liệu tham khảo
1003	Biological control of vertebrate pests : The history of myxomatosis, an experiment in evolution ./ Frank Fenner. - Wallingford, Oxon, UK ; New York, NY, USA : CABI, 1999 - xii, 339 p. : 25 cm, Phân loại: 632.66 FEN 1999, Tài liệu tham khảo
1004	Vegetable seed production ./ Raymond A.T. George. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub., 1999 - viii, 328 p. : 25 cm, Phân loại: 635.042 1 GEO 1999, Tài liệu tham khảo
1005	Agriculture, fertilizers, and the environment M.Lagreid, O.C.Bockman and O. Kaarstad. - New York : Cabi Pub., 1999 - xxiv, 294 p. : 24 cm, Phân loại: 631.8 LAG 1999, Tài liệu tham khảo
1006	Forage seed production. . - Wallingford : CAB International, 1999. - xviii ,479 p. : 25 cm, Phân loại: 633.208 21 FOR 1999, Tài liệu tham khảo
1007	Diseases of banana, abaca and enset / Edited by: D.R. Jones.. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub., 1999. - 544p.; 25 cm., Phân loại: 634.772 9 DIS 1999, Tài liệu tham khảo
1008	Máy phục vụ chăn nuôi : Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH Nông nghiệp. / Chủ biên: Trần Minh Vượng, Nguyễn Thị Minh Thuận.. - H. : Giáo dục , 1999. - 284 Tr. ; 26cm., Phân loại: 631.371 MAY 1999, Tài liệu tham khảo
1009	Mạng điện nông nghiệp: Giáo trình dùng cho SV các trường ĐH Nông nghiệp / Chủ biên: Nguyễn Văn Sặc, Nguyễn Ngọc Kính. - H : Giáo dục , 1999 - 204 Tr.; 26cm, Phân loại: 631.3 S6319, Giáo trình
1010	Máy canh tác nông nghiệp : Giáo trình dùng cho SV ngành Cơ khí Nông nghiệp. / Chủ biên: Nguyễn Văn Muôn.... - H. : Giáo dục , 1999. - 194 tr. ; 26cm., Phân loại: 631.371 May 1999, Giáo trình
1011	Sinh học đất: Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp. / Nguyễn Xuân Đường, Nguyễn Xuân Thành. - H : Nông nghiệp , 1999 - 177 tr.; 27cm, Phân loại: 631.46 NGĐ 1999, Tài liệu tham khảo
1012	Di truyền học: Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp. / Nguyễn Hồng Minh. - H : Nông nghiệp , 1999 - 355 tr.; 27cm, Phân loại: 631.523 3 NGM 1999, Giáo trình

1013	Bản đồ địa chính : Giáo trình dùng cho ngành quản lý đất đai các trường đại học và cao đẳng Nông nghiệp / Hồ Thị Thanh Trà. - H : Nông nghiệp , 1999 - 258 tr.; 19cm, Phân loại: 631.47 T67, Giáo trình
1014	Hệ thống máy công nghiệp phục vụ sản xuất cây trồng./ Nguyễn Quang Lộc. - H.: Giáo dục, 1999. - 203 Tr., 27 cm., Phân loại: 631.3 NGL 1999, Tài liệu tham khảo
1015	Nghiên cứu sử dụng giống lai tự nhiên giữa keo tai tượng và keo lá tràm ở Việt Nam./ Lê Đình Khả. - H.: Nông nghiệp, 1999. - 207 tr., 19 cm., Phân loại: 634.9 LEK 1999, Tài liệu tham khảo
1016	Molecular improvement of cereal crops / edited by Indra K. Vasil.. - Dordrecht ; Boston : Kluwer Academic Publishers, 1999. - viii, 402 p. : 25 cm., Phân loại: 633.104 233 MOL 1999, Tài liệu tham khảo
1017	Theoretical approaches to biological control / edited by Bradford A. Hawkins and Howard V. Cornell.. - Cambridge, UK ; New York, NY, USA : Cambridge University Press, 1999. - xii, 412 p. : 26 cm., Phân loại: 632.96 THE 1999, Tài liệu tham khảo
1018	Go global, grow royal fruits of the tropics: Updates and perspectives in sustainable agriculture / Domingoe E.Angelos, Leon O.Namuco. - Philippines: SEARCA, 1999 - 75 Tr. ; 30 cm., Phân loại: 634.6 ANG 1999, Tài liệu tham khảo
1019	Biologically active natural products : Agrochemicals / Edited by Horace G.Cutter, Stephen J.Cutter. - Boca Raton : CRC press, 1999 - 299 p. ; 26cm, Phân loại: 631.8 BIO 1999, Tài liệu tham khảo
1020	A textbook of agricultural entomology / David V.Alford. - Oxon : Blackwell science, 1999 - 314p. : 24cm, Phân loại: 632.7 ALF 1999, Tài liệu tham khảo
1021	Control applications and ergonomics in agriculture / Edited by N.Sigrimis, P.Groumpos. - Oxford : International federation of automatic control, 1999 - 343p. : 30cm, Phân loại: 630.7 SIG 1999, Tài liệu tham khảo
1022	Peroxidizing herbicides / Edited by Boger, P.,Wakabayashi, K.. - Berlin : Springer, 1999 - 405 p. ; 24cm, Phân loại: 632.95 PER 1999, Tài liệu tham khảo
1023	Fertile ground : The impacts of participatory watershed management . - London : IT publications, 1999 - 385 Tr.; 19 cm, Phân loại: 631.422 FER 1999, Tài liệu tham khảo
1024	Loại trừ nhiễm Aflatoxin ở Lạc : Kỹ yếu hội thảo ACIAR,Bôgor 1999./ Ralf G. Dietzgen. - Canberra : ACIAR, 1999 - 120 tr.; 20 cm, Phân loại: 633.368 LOA 1999, Tài liệu tham khảo
1025	Biological and cultural diversity : The role of indigenous agricultural experimentation in development / Gordon Prain, Sam Fujisaka, Michael D. Warren. - New York : Intermediate Technology Pub., 1999 - 218 Tr. ; 22 cm, Phân loại: 630 BIO 1999, Tài liệu tham khảo

1026	Collected papers on environmental effects and their control in plant propagation and transplant production . Vol 1. - [S.l.]. :[S.n.], 1999 - 415 p. ; 30 cm, Phân loại: 631.536 COL 1999/1, Tài liệu tham khảo
1027	Women and IPM : Crop protection practices strategies ./ Royal Tropical Institute. - Netherlands : Royal Tropical Institute, 1999 - 107 p. ; 24 cm, Phân loại: 632.95 WOM 1999, Tài liệu tham khảo
1028	Quality assurance in Agricultural Produce : Proceedings of the 10 th ASEAN/1st APEC Seminar on Postharvest Technilogy, Ho Chi Minh City, Vietnam 9-12 November 1999 / G. I. Johnson, Lê Văn Tô, Nguyễn Duy Đức, M. C. Webb. - HCM : Post- Harvest Thechnology Institute ACIAR, 1999 - 734 p. ; 24 cm, Phân loại: 631.56 QUA 1999, Tài liệu tham khảo
1029	Kava (Piper methysticum) in the South Pacific : its importance, methods of cultivation, cultivars, diseases and pests ./ R.I. Davis and J.F. Brown.. - Canberra : Australian centre for International Agricultural Research, 1999. - 32 p. ; 24 cm, Phân loại: 633.84 DAV 1999, Tài liệu tham khảo
1030	Edible nut trees in Solomon Islands : a variety collection of Canarium, Terminalia and Barringtonia ./ Barry R. Evans.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1999. - xi, 82 p. : 24 cm., Phân loại: 634.5 EDI 1999, Tài liệu tham khảo
1031	Elimination of aflatoxin contamination in peanut : A collaborative workshop project between the Queensland department of primary industries, Australia and Bogor agriculture university, Indonesia / editors: Ralf G.Dietzgen. - Canberra, ACT : Australian Centre for International Agricultural Research , 1999 - 98 p. : 24 cm., Phân loại: 633.368 94 ELI 1999, Tài liệu tham khảo
1032	Learning from the farming systems research experiences in Indonesia : Proceedings of CASER - JIRCAS international Workshop 3-4 March, 1999, Bogor, Indonesia ./ J. Goto, H. Mayrowani. - Japan : Japan International research center for Agricultural Sciences, 1999 - 137 p. ; 27 cm, Phân loại: 631.259 8 LEA 2000, Tài liệu tham khảo
1033	Integrated nutrient management in Farming systems in southeast ASIA and Austrailia: Proceedings of an International Workshop held at the National Agicultural research centre, Vientiane, Lào 21-22 April, 1999 ./ ACIAR. - Cenberra : ACIAR , 1999 - 91 p.; 24cm, Phân loại: 631.810 959 INT 1999, Tài liệu tham khảo
1034	Ecologically-based management of rodent pests / edited by Grant R. Singleton ... [et al.]. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1999. - 494 p. : 26 cm., Phân loại: 632.693 23 ECO 1999, Tài liệu tham khảo

1035	Biological control of water hyacinth : the weevils <i>Neochetina bruchi</i> and <i>N. eichhorniae</i> : biologies, host ranges, and rearing, releasing and monitoring techniques for biological control of <i>Eichhornia crassipes</i> / M.H. Julien, M.W. Griffiths, and A.D. Wright.. - Canberra : The Australian Centre for International Agricultural Research, 1999. - 87 p. : 26 cm., Phân loại: 633.2 BIO 1999, Tài liệu tham khảo
1036	Kỹ thuật nuôi trồng Phong lan / Trần Văn Bảo. - HCM. : Trẻ, 1999 - 175 tr. ; 27 cm., Phân loại: 635.97 TRB 1999, Tài liệu tham khảo
1037	Integrated nutrient management in farming systems in Southeast Asia and Australia : proceedings of an International Workshop held at the National Agricultural Research Centre, Vientiane, Laos, 21-22 April, 1999 / editors: A.M. Whitbread and G.J. Blair.. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1999. - 91 p. : 24 cm., Phân loại: 631.810 959 INT 1999, Tài liệu tham khảo
1038	Quality assurance in agricultural produce : proceedings of the 19th ASEAN/1st APEC Seminar on Postharvest Technology, Ho Chi Minh City, Vietnam, 9-12 November 1999 / editors: G.I. Johnson ... [et al.] .. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Research, 1999. - 736 p. : 24 cm., Phân loại: 631.56 QUA 1999, Tài liệu tham khảo
1039	Developing forage technologies with smallholder farmers : How to select the best varieties to offer farmers in Southeast Asia / Peter M. Horne. Werner W.Stur. - Canberra, A.C.T. : ACIAR : AusAID : CIAT... : Forages for Smallholders Project, 1999. - 80 p. : 21 cm., Phân loại: 633.2 DEV 1999, Tài liệu tham khảo
1040	Impact on a changing world : Program Report 1997- 98 / . - Lima : International potato center, 1999 - 455p. ; 27cm., Phân loại: 635.21 IMP 1999, Tài liệu tham khảo
1041	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp : Kỹ thuật trồng và chăm sóc ca cao, cà phê, tiêu, sầu riêng / Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : Trẻ, 1999 - 124 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.8 TRH 1999, Tài liệu tham khảo
1042	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 1,Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : Trẻ, 1999 - 123 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 MOT 1999/1, Tài liệu tham khảo
1043	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 3,Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : Trẻ, 1999 - 123 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 MOT 1999/3, Tài liệu tham khảo
1044	Biodiversity in agroecosystems ./ edited by Wanda W. Collins, Calvin O. Qualset.. - Boca Raton : CRC Press, 1999. - 334 p. : 24 cm., Phân loại: 630 COL 1999, Tài liệu tham khảo
1045	Handbook of non-farmal education and team building exercises for integrated pest management / Compiled and edited by Damaso P. Callo, Wilma R. Cuaterno and Harriet A. Tauli. - Philippines : SEAMEO SEARCA, 1999 - 206 tr., 19 cm, Phân loại: 632.9 HAN 1999, Tài liệu tham khảo

1046	Một số loài cây bị đe dọa ở Việt Nam= Some threatened tree species of Vietnam / Nguyễn Hoàng Nghĩa. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 147 Tr.; 27 cm, Phân loại: 634.92 NGN 1999, Tài liệu tham khảo
1047	Kết quả khảo nghiệm và kiểm nghiệm giống cây trồng. Tập 2-1999 /Trương Đích. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 124 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.57 TRĐ 1999, Tài liệu tham khảo
1048	Kỷ yếu hội nghị giao lưu nông dân châu á tại đồng bằng Sông Hồng . - H. : Nông nghiệp, 1999 - 151 Tr. ; 25,5 cm., Phân loại: 630.2 KIY 1999, Tài liệu tham khảo
1049	Kết quả nghiên cứu khoa học 1997-1998 / Viện Di truyền Nông nghiệp. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1999 - 374 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.523 3 KET 1999, Tài liệu tham khảo
1050	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật 1995-1999 / Trường Đại học Lâm nghiệp. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 124 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.9 KET 1999, Tài liệu tham khảo
1051	Taylor's guide to annuals / Barbara W. Ellis. - New York : Houghton Mifflin Company, 1999 - 441 p. ; 23 cm., Phân loại: 635.931 2 ELL 2000, Tài liệu tham khảo
1052	Trees : easy plants for more beautiful gardens. . - Boston : Houghton Mifflin, 1999. - 127 p. : 22 cm., Phân loại: 635.977 TRE 1999, Tài liệu tham khảo
1053	Roses : easy plants for more beautiful gardens. . - Boston : Houghton Mifflin, 1999. - 127 p. : 22 cm., Phân loại: 635.933 734 ROS 1999, Tài liệu tham khảo
1054	Thuốc bảo vệ thực vật / Trần Quang Hùng. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 349 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 632.95 TRH 1999, Tài liệu tham khảo
1055	Soil analysis : Handbook of reference methods / Soil and Plant Analysis Council, Inc.. - Boca Raton, NewYork, Fla. : St. Lucie CRC Press, 1999. - 247 p. : 24 cm., Phân loại: 631.4 SOI 1999, Từ điển
1056	On-farm diagnosis of steepeland erosion in northern Thailand: Integrating spatial scales with household strategies / Prof. K. Vlassak. K.U. Leuven..... - Oktober: [Knxb], 1999 - 309 p. : 24 cm., Phân loại: 631.451 ONF 1999, Tài liệu tham khảo
1057	Sửa chữa máy kéo / Nguyễn Nông, Nguyễn Đại Thành, Hoàng Ngọc Vinh. - H : Giáo dục , 1999 - 211 tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.372 SUA 1999, Tài liệu tham khảo
1058	Giáo trình sinh học đất / Nguyễn Xuân Đường, Nguyễn Xuân Thành. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 177 Tr ; 27cm., Phân loại: 631.46 NGĐ 1999, Tài liệu tham khảo
1059	Ecological principles of Agriculture./Laura S.Powers, Robert McSorley . - Thomson Learning, 1999 - 432p. : 25 cm., Phân loại: 630.277 POW 1999, Tài liệu tham khảo
1060	Mineral Nutrition of Crops: Fundamental mechanims and implications./ Zdenko Rengel. - New york.: Food Products Press, 1999 - 399p.; 20cm, Phân loại: 631.81 REN 1999, Tài liệu tham khảo

1061	Localized Poverty Reduction in Vietnam: Improving the Enabling Environment for Rural Livelihood Enhancement / Geoffrey B. Hainsworth. - Canada University of British Columbia Vancouver , 1999 - 284 Tr. ; 29 cm, Phân loại: 630 LOC 1999, Tài liệu tham khảo
1062	Poverty and Food Security in Asia Lessons and Challenges / . - Thailand Food and AGRICULTURE , 1999 - 168 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 630 POV 1999, Tài liệu tham khảo
1063	Sổ tay khuyến nông, khuyến lâm của nông dân miền núi Tập 2 Đoàn Diễm, Nguyễn Văn Cương...(et...al). - H. : Nông nghiệp, 1999 - 168 Tr. ; 21 cm, Phân loại: 630 SOT 1999/2, Tài liệu tham khảo
1064	Communication in extension a teaching and learning guide / Harry A, Carey, Heather N. Haberland. - Rome. : Food and agriculture organization of the united nations, 1999 - 145 Tr. ; 30 cm, Phân loại: 630.715 CAR 1999, Tài liệu tham khảo
1065	Cây đậu tương / Ngô Thế Dân, Trần Đình Long, Trần Văn Lài...[al.et]. - H. : Nông nghiệp, 1999 - 366 Tr. ; 19 x 27 cm, Phân loại: 633.348 CAY 1999, Tài liệu tham khảo
1066	Edible Nut Trees in Solomon Islands: A Variety Collection of Canarium Terminalia and Barringtonia / Barry R. Evans. - Canberra : Australian Centre for International Agricultural Researchr ; 1999 - xi, 82 p. ; 24 cm, Phân loại: 634.5 EVA 1999, Tài liệu tham khảo
1067	Loại trừ nhiễm flatoxin ở lạc / Ralf G. Dietzgen. - Canberra. : Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Ôxtrâylia ; 1999 - 120 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 633.368 94 DIE 1999, Tài liệu tham khảo
1068	Loại trừ nhiễm Aflatoxin ở lạc : Kỹ yếu hội thảo Aciar. Số 89 / Ralf G. Dietzgen (ch.b.), R. B. Hansen, K. L. Norman... [và các giả khác].. - Canberra : Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Ôxtrâylia, 1999. - 120 Tr. ; 16 x 24 cm., Phân loại: 633.368919 LOA 1999, Tài liệu tham khảo
1069	Modelling soil-biosphere interactions / Christoph Muller. - Wallingford : CABI Publishing, c2000 - xii, 354 p. : 24 cm, Phân loại: 631.401 13 MUL 2000, Tài liệu tham khảo
1070	Sampling and monitoring in crop protection : The theoritical basic for developing practical decision guide / M.R.Binns. - Wallingford, Oxon, UK ; New York : CABI Pub., c2000 - xi, 284 p. : 26 cm, Phân loại: 632.6 BIN 2000, Tài liệu tham khảo
1071	Forest health and protection / Robert L. Edmonds, James K. Agee, Robert I. Gara.. - Boston : McGraw-Hill, c2000. - xvii, 630 p. : 24 cm., Phân loại: 634.96 EDM 2000, Tài liệu tham khảo

1072	Roots and Tubers in the Global food system : Avison statement to the year 2020 . - Lima ; CGIAR: Consultative Group on International Agricultural Research, [19..?] - 111p. ; 30cm, Phân loại: 635.107 2 ROO 2000, Tài liệu tham khảo
1073	Phát triển kỹ thuật cây thức ăn xanh với nông hộ : Làm thế nào để lựa chọn được những giống tốt nhất cho người nông dân vùng Đông nam á \ / Peter horne.. - Hà nội : [s.n.], 2000. - 78 p. ; 22 cm., Phân loại: 633.2 PHA 2000, Tài liệu tham khảo
1074	Handbook of soil science / M.E.Summer.. - London : CRC press, 2000. - 1348 p. ; 27 cm., Phân loại: 631.4 HAN 2000, Từ điển
1075	Hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong lâm nghiệp . - H. : Nông nghiệp, 2000 - 59 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.95 HUO 2000, Tài liệu tham khảo
1076	Chuột gây hại và phòng trừ bằng phương pháp dân gian / Lê Vũ Khôi. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 112 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.693 52 LEK 2000, Tài liệu tham khảo
1077	Chọn giống lúa lai / Nguyễn Thị Trâm. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 131 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.18 NGT 2000, Tài liệu tham khảo
1078	Kỹ thuật trồng hoa / Chủ biên: Nguyễn Xuân Linh. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 140 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635.9 KYT 2000, Từ điển
1079	Nông nghiệp sinh thái : Các biện pháp giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật / Thế Nghĩa. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 118 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.9 THN 2000, Tài liệu tham khảo
1080	Công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK sản xuất bảo quản, sử dụng / TS Nguyễn Huy Phiêu. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 175 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.8 CON 2000, Tài liệu tham khảo
1081	Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên / Vũ Đình Lợi. - H. : Khoa học xã hội, 2000 - 213 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.47 VUL 2000, Tài liệu tham khảo
1082	Công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch. Tập 2 /Trần Văn Chương. - H. : Văn hoá dân tộc, 2000 - 96 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.56 TRC 2000, Tài liệu tham khảo
1083	Công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch. T1 /Trần Văn Chương. - H. : Văn hoá dân tộc, 2000 - 100 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.56 TRC 2000, Tài liệu tham khảo
1084	Kỹ thuật trồng nho / Phạm Hữu Nhượng. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 142 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.9 KYT 2000, Tài liệu tham khảo
1085	Kỹ thuật làm vườn ./ Hoàng Đức Phương. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 326 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634 HOP 2000, Tài liệu tham khảo
1086	Kỹ thuật trồng hoa. / Nguyễn Xuân Linh. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 140 Tr. ; 119 cm, Phân loại: 635.977 13 KYT 2000, Từ điển

1087	Đánh giá tiềm năng sản xuất đất Lâm nghiệp Việt Nam. / Đỗ Đình Sâm, Nguyễn Ngọc Bình. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 188 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 631.4 ĐOS 2000, Tài liệu tham khảo
1088	Kỹ thuật tưới cho một số cây lương thực và hoa màu / Bùi Hiếu. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 140 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.62 BUH 2000, Tài liệu tham khảo
1089	Dinh dưỡng cây thức ăn gia súc. / Nguyễn Bích Ngọc. - H. : Văn hoá Dân tộc, 2000 - 175 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.208 DIN 2000, Tài liệu tham khảo
1090	Sâu bệnh chính hại một số cây thực phẩm và biện pháp quản lý / Phạm Thị Nhất. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 102 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.7 PHN 2000, Tài liệu tham khảo
1091	Chọn giống lúa lai. / Nguyễn Thị Trâm. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 131 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.18 NGT 2000, Tài liệu tham khảo
1092	Phân phức hợp hữu cơ vi sinh / Lê Văn Tri. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 62 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.86 LET 2000, Tài liệu tham khảo
1093	Phương pháp nghiên cứu bảo vệ Thực vật. T3, Viện Bảo vệ Thực vật. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 79 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 632 PHU 2000, Tài liệu tham khảo
1094	Chương trình nghiên cứu Việt nam-Hà lan. / Biên tập: Văn phòng VNRP. - H. : Viện nghiên cứu chiến lược, 2000 - 88Tr. ; 27cm;S.Biểu, Phân loại: 630.7 CHU 2000, Tài liệu tham khảo
1095	Đồng bằng sông cửu long đón chào thế kỷ 21. / Biên tập: Nguyễn Hoà Bắc. - H. : Văn nghệ, 2000 - 544Tr. ; 27 cm;S.Biểu, Phân loại: 630.201 DON 2000, Tài liệu tham khảo
1096	Độ tin cậy trong sửa chữa ô tô máy kéo : Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp / Nguyễn Nông; Hoàng Ngọc Vinh.. - H. : Giáo dục, 2000. - 115 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.3 NGN 2000, Giáo trình
1097	Lý thuyết tính toán máy thu hoạch nông nghiệp : Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp / Phạm Xuân Vượng.. - H. : Giáo dục, 2000. - 116 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 631.307 11 PHV 2000, Giáo trình
1098	Mẫu xây dựng hệ thống thủy nông cho lúa, rau, màu / Đỗ Trọng Hùng. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 79 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.62 ĐOH 2000, Tài liệu tham khảo
1099	265 giống cây trồng mới / Trương Dích. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 321 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.57 TRĐ 2000, Tài liệu tham khảo
1100	Biện pháp canh tác phòng chống sâu bệnh và cỏ dại trong nông nghiệp / Phạm Văn Lâm. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 80 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.9 PHL 2000, Tài liệu tham khảo
1101	Cây rừng Việt Nam = The names of forest Plants in Việt Nam. . - H. : Nông nghiệp, 2000. - 460 Tr. ; 27 cm., Phân loại: 634.035 97 TEN 2000, Từ điển

1102	Etylen và ứng dụng trong trồng trọt / Chủ biên: Nguyễn Quang Thạch. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 74 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 631.58 NGT 2000, Tài liệu tham khảo
1103	Ốc bươu vàng biện pháp phòng trừ . - H. : Nông nghiệp, 2000 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.64 OCB 2000, Tài liệu tham khảo
1104	Chọn tạo và trồng cây cam quýt phẩm chất tốt, năng suất cao / Hoàng Ngọc Thuận. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 99 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.304 HOT 2000, Tài liệu tham khảo
1105	Nhân giống vô tính cây ăn quả : Chiết, ghép, giâm cành, tách chồi và nuôi cấy in Vitro / Hoàng Ngọc Thuận. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 180 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.534 HOT 2000, Tài liệu tham khảo
1106	Cơ sở di truyền và công nghệ sản xuất lúa lai / Trần Duy Quý. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 141 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.182 33 TRQ 2000, Tài liệu tham khảo
1107	Kỹ thuật thâm canh lúa ở hộ nông dân / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 19 cm, Phân loại: 633.18 NGH 2000, Tài liệu tham khảo
1108	Cỏ dại trong ruộng lúa và biện pháp phòng trừ / Nguyễn Mạnh Chinh, Mai Thành Phụng. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 64 Tr. ; 19cm, Phân loại: 633.189 5 NGC 2000, Tài liệu tham khảo
1109	Trao đổi với nông dân cách làm ăn / Nguyễn Lâm Hùng. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 199 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.715 NGH 2000, Tài liệu tham khảo
1110	Sổ tay người làm vườn / Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 221 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634 TRT 2000, Tài liệu tham khảo
1111	Cây xoài và những điều cần biết / Phạm Thị Hương. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 95 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.44 PHH 2000, Tài liệu tham khảo
1112	Những cây rau gia vị phổ biến ở Việt Nam / Mai Văn Quyền, Đỗ Quang Vinh, Lê Viết Nhi.... - Hà nội : Nông nghiệp, 2000 - 139 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.83 NHU 2000, Tài liệu tham khảo
1113	Kỹ thuật trồng cây măng cụt / Trần Văn Minh. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2000 - 64 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.655 TRM 2000, Tài liệu tham khảo
1114	Sổ tay người trồng rau / Nguyễn Văn Thắng. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2000 - 199 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 635 NGT 2000, Tài liệu tham khảo
1115	Kỹ thuật thâm canh cây mía / Lê Hồng Sơn. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2000 - 135 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.61 LES 2000, Tài liệu tham khảo
1116	Kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây cam, quýt, nhãn, hồng / Biên soạn: Lê Văn Thuyết. - Hà nội. : Nông nghiệp, 2000 - 64 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 634.385 KYT 2000, Tài liệu tham khảo
1117	Cây đậu xanh kỹ thuật trồng và chế biến sản phẩm / Phạm Văn Thiều. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 108 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.35 PHT 2001, Tài liệu tham khảo

1118	Hướng dẫn kỹ thuật thâm canh các giống lúa chuyên mùa chất lượng cao / Nguyễn Văn Hoan. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 88 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 633.18 NGH 2000, Tài liệu tham khảo
1119	100 câu hỏi về cây vải ./ Trần Thế Tục. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 164Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.2 TRT 2000, Tài liệu tham khảo
1120	Đất Việt Nam / Biên tập:Trần Khải.. - H. : Nông nghiệp, 2000. - 411 Tr. ; 27cm., Phân loại: 631.4 ĐAT 2000, Tài liệu tham khảo
1121	Nhân giống cây ăn trái (chiết, ghép, giâm cành) / Vũ Công Hậu. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 46 Tr. ; 19cm, Phân loại: 634.045 3 VUH 2000, Tài liệu tham khảo
1122	Từ điển thổ ngữ học Anh-Việt / Hội khoa học đất Việt Nam.. - H. : Khoa học và giáo dục, 2000. - 567 Tr. ; 27cm., Phân loại: 631.403 TUD 2000, Từ điển
1123	Scientists and Farmer = Partner in research for the 21st century:program report 1999-2000 . - ma,Peru : The internatinal Potato center 2000 - 63 Tr.: 25 cm, Phân loại: 630.2 SCI 2001, Tài liệu tham khảo
1124	Insect pest management / D. Dent.. - Wallingford, UK ; New York : CABI Pub., c2000. - xiii, 410 p. : 25 cm., Phân loại: 632.7 DEN 2000, Từ điển
1125	Safe and effective use of crop protection products in developing countries . - Wallingford ; New York, NY : CABI Pub. 2000 - xvii, 163 p. : 24 cm, Phân loại: 632.951 7 ATK 2000, Tài liệu tham khảo
1126	Biological control in the tropics : Towards efficient . - Selangor, Malaysia : CAB International, 2000 - vi, 155 p. : 30 cm, Phân loại: 632.96 BIO 1999, Tài liệu tham khảo
1127	Thổ ngữ học : Giáo trình dùng cho các trường ĐH-CD Nông Lâm nghiệp./ Chủ biên: Nguyễn Mười.... - H. : Nông nghiệp , 2000 - 228 Tr.; 27cm, Phân loại: 631.4 M9531, Giáo trình
1128	Hoá chất dùng trong nông nghiệp và ô nhiễm môi trường : Giáo trình dùng cho SV đại học Nông nghiệp / Nguyễn Đình Mạnh.. - H : Nông nghiệp , 2000. - 79 tr. ; 26cm., Phân loại: 631.8 NGM 2000, Giáo trình
1129	Độ tin cậy trong sửa chữa ô tô máy kéo: Giáo trình dùng cho SV ngành Cơ khí Nông nghiệp / Nguyễn Nông, Hoàng Ngọc Vinh. - H : Giáo dục , 2000 - 116 tr.; 26cm, Phân loại: 631.302(075) N731, Giáo trình
1130	Giáo trình cây rau = Giáo trình dùng cho các trường ĐH Nông nghiệp ./ Chủ biên: Tạ Thu Cúc.... - H.: Nông nghiệp, 2000 - 258 Tr.; 26cm, Phân loại: 635 TAC 2000, Giáo trình

1131	Bài giảng thực hành: Dùng giảng dạy cho sinh viên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, bảo quản chế biến, chọn giống cây trồng, làm vườn, dâu tằm, Sư phạm kỹ thuật và kinh tế phát triển nông thôn ./ Trại thí nghiệm thực tập. - H.: Đại học nông nghiệp I- Hà nội, 2000 - 116 Tr.; 27cm, Phân loại: 633.104 BAI 2000, Giáo trình
1132	Nông nghiệp Việt nam - Những thành tựu:Tiến bộ kỹ thuật-Điển hình tiên tiến-Giải thưởng bông lúa vàng= Vietnam Agriculture- It's achievements ./ Bộ Nông nghiệp và PTNT. - H., Lao động 2000 - 340 tr., 27 cm Hình ảnh minh họa, Phân loại: 630 NON 1999, Tài liệu tham khảo
1133	Thuật ngữ lâm nghiệp . / Bộ lâm nghiệp.. - H. : NxbNông nghiệp, 2000. - 590 tr ; 19 cm., Phân loại: 634.903 THU 1996, Từ điển
1134	Tuyển tập công trình nghiên cứu Bảo vệ thực vật 1996-2000./ Viện Bảo vệ thực vật. - H., Nông nghiệp, 2000 - 312 tr., 27 cm Bảng biểu, Phân loại: 632.9 TUY 2000, Tài liệu tham khảo
1135	Kết quả nghiên cứu khoa học 1992 - 1993 = (Công trình N/C của nữ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học) . - H.: Nông nghiệp, 2000 - 170 tr.; 27cm., Phân loại: 630.7 KET 2000, Tài liệu tham khảo
1136	Kết quả nghiên cứu sử dụng phân bón ở miền Bắc Việt nam= Chương trình hợp tác nghiên cứu NORSE HYDRO Đông dương-Đại học Nông nghiệp I . - H.: Nông nghiệp, 2000 - 207 tr., 27 cm., Phân loại: 631.816 597 KET 2000, Tài liệu tham khảo
1137	A review book of six proceedings of FFTC seminars related to management of slopelands in the Asia-Pacific region: Seminars organized by Food and Fertilizer technology Center for the Asian and Pacific region/ T.F.William Chiu chủ biên. - Taiwan: Published by the food and fertilizer technology center, 2000 - 90 Tr.; 27cm, Phân loại: 631.8 REV 2000, Tài liệu tham khảo
1138	Tên cây rừng Việt Nam= The names of forest plants in Vietnam . - H. : Nông nghiệp, 2000. - 459 Tr., 30 cm., Phân loại: 634.035 97 TEN 2000, Từ điển
1139	Số liệu thống kê nông lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam 1975 - 2000 = Statisal data of agriculture, forestry and fishery 1975 - 2000 / Tổng cục Thống kê - Vụ Nông Lâm Thủy sản.. - H. : Thống kê, 2000. - 590 Tr. ; 24 cm., Phân loại: 630.2 SOL 2000, Từ điển
1140	Thuật ngữ lâm nghiệp / Bộ lâm nghiệp.. - H. : Nông nghiệp, 2000. - 590 Tr. ; 19 cm., Phân loại: 634.903 THU 1996, Từ điển
1141	Kết quả nghiên cứu khoa học 1997 - 1999 : Của nữ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học . - H. : Nông nghiệp, 2000 - 175 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 KET 2000, Tài liệu tham khảo
1142	Lúa lai và kỹ thuật thâm canh./ Nguyễn Văn Hoan. - H.: Nông nghiệp, 2000 - 149 Tr.; 19 cm, Phân loại: 633.188 NGH 2000, Tài liệu tham khảo

1143	Hướng dẫn về ngưỡng chịu thuốc bảo vệ thực vật của các cây trồng ở Đài Loan / Wong, Sue Sun. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 207 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 632.95 WON 2000, Tài liệu tham khảo
1144	Genetic transformation regeneration and analysis of transgenic peanut / Colleen M. Higgins, Ralf G. Dietzgen. - Queensland : ACIAR technical reports Series 48, 2000 - xiv, 82 p. : 24 cm., Phân loại: 635.659 699 HIG 2000, Tài liệu tham khảo
1145	Kỹ thuật trồng ngô năng suất cao / Trương Đích. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 111 Tr. ; 19,5 cm, Phân loại: 633.158 TRD 2000, Tài liệu tham khảo
1146	Chukrasia : biology, cultivation and utilisation ./ A. Kalinganire and K. Pinyopusarerk.. - Canberra, ACT : Australian Centre for International Agricultural Research, 2000. - 35 p. : 24 cm., Phân loại: 634.97 KAL 2000, Tài liệu tham khảo
1147	Genetic transformation, regeneration and analysis of transgenic peanut ./ Colleen M. Higgins and Ralf G. Dietzgen.. - Canberra, A.C.T. : Australian Centre for International Agricultural Research, 2000. - iv, 86 p. : 24 cm., Phân loại: 632.9 HIG 2000, Tài liệu tham khảo
1148	Tannins in livestock and human nutrition: Proceeding of an International workshop, Adelaide, Australia, May 31-june 2, 1999 / Editor: J.D.Brooker. - Canberra, ACT : Australian Centre for International Agricultural Research , 2000 - 171 p. : 24 cm., Phân loại: 633.87 TAN 1999, Tài liệu tham khảo
1149	Soil conservation Technologies for Smallholder Farming Systems in the Philippine Uplands: a Socioeconomic Evaluation ./ R. A. Cramb. - Canberra : Austrailian Centre for International Agricultural Research, 2000 - xiv, 228 p. : 24 cm, Phân loại: 631.451 CRA 2000, Tài liệu tham khảo
1150	Field guide of discovery - based exercises for mango IPM ./ SEARCA. - Philippine : SEARCA, 2000 - 326 p. ; 24 cm, Phân loại: 634.44 FIE 2000, Tài liệu tham khảo
1151	Chọn giống cây trồng = Sách dùng cho sinh viên khoa Nông học và Sư phạm kỹ thuật / Nguyễn Văn Hiến,. - Hà Nội: Giáo dục, 2000 - 366 Tr. ; 30 cm, Phân loại: 631.523 0711 GIA 2000, Tài liệu tham khảo
1152	Socio-economic evaluation of the potential for Australian tree species in the Philippines / Steve Harrison, John Herbohn.. - Canberra, ACT : ACIAR, 2000. - viii, 192 p. : 21 cm., Phân loại: 634.956 09599 HAR 2001, Tài liệu tham khảo
1153	Roots and Tubers for the 21st Century Trends, Projections, and policy Options / Gregory J. Scott, Mark W. Rosegrant, Claudia Ringler. - Washington ; International Food Policy Resrarch Institute, 2000 - 64p. ; 30cm, Phân loại: 635.04 SCO 2000, Tài liệu tham khảo
1154	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 4,Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : Trẻ, 2000 - 123 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 MOT 2000/4, Tài liệu tham khảo

1155	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 5,Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : Trẻ, 2000 - 123 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 MOT 2000/5, Tài liệu tham khảo
1156	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 7, /Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : NXB Trẻ, 2000 - 124 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 MOT 2000/7, Tài liệu tham khảo
1157	101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Màng phủ nông nghiệp - Trồng rau sạch / Tập 8,Trần Văn Hoà, Chủ biên. - H. : Trẻ, 2000 - 113 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630.2 MOT 2000/8, Tài liệu tham khảo
1158	Nghề làm vườn: Phát triển cây ăn quả ở nước ta. Nhóm cây ăn quả nhiệt đới có khả năng thích nghi hẹp / Đường Hồng Dật. - H. : Văn hoá dân tộc, 2000 - 135 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634 ĐUD 2000, Tài liệu tham khảo
1159	Nghề làm vườn: Cây ăn quả ba miền / Đường Hồng Dật. - H. : Văn hoá dân tộc, 2000 - 171 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634 ĐUD 2000, Tài liệu tham khảo
1160	Nông học vui./ A.Doiaresco. - H.: Thanh niên, 2000 - 246 Tr. ; 19 cm, Phân loại: 630 DOI 2000, Tài liệu tham khảo
1161	Rừng ngập mặn Việt Nam ./ Trung tâm nghiên cứu và môi trường đại học quốc gia Hà nội. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 205 tr. ; 19 cm., Phân loại: 634 RUN 2000, Tài liệu tham khảo
1162	Chọn giống bạch đàn Eucalyptus theo sinh trưởng và kháng bệnh ở Việt Nam / Nguyễn Hoàng Nghĩa. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 112 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 634.973 766 NGN 2000, Từ điển
1163	Modelling soil : Biosphere interactions / Christoph Muler.. - Wallingford, Oxon, UK ; New York, NY, USA : CABI Pub., 2000. - xii, 354 p. : 24 cm., Phân loại: 631.4 MUL 2000, Tài liệu tham khảo
1164	Kết quả nghiên cứu khoa học. Quyển 4 ./Trường Đại học Nông nghiệp I. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 200 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 630.7 KET 2000, Tài liệu tham khảo
1165	Carbon and nitrogen dynamics in flooded Soils / Edited by: G.J.D. Kird, D.C. Olk. - Manila : International rice research Institute, 2000. - 188 p.: 24 cm., Phân loại: 631.4 CAR 2000, Tài liệu tham khảo
1166	Using SysNet tool to quantify the trade off between food production and environmental quality . / IRRI.. - Manila Philippine : IRRI, 2000. - 48 p. ; 26 cm., Phân loại: 633.18 INT 2000, Tài liệu tham khảo
1167	International Rice Research notes / International Rice Research Institute. - Manila : IRRI, 2000 - 46 p., 30 cm, Phân loại: 633.18 INT 2000, Tài liệu tham khảo
1168	Selected indicators of Food and Agriculture development in Asia-Pacific region 1988-1989./ FAO. - Bangkok : FAO regional office for Asia and the Pacific, 2000 - 206 p. ; 30 cm, Phân loại: 630 SEL 2000, Tài liệu tham khảo

1169	Lúa nếp, ruộng tập thể: và sự phát triển người Thái Đen / Đào Minh Trường, Thomas Sikor. - H. : Nông nghiệp, 2000 - 53 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 633.18 ĐAT 2000, Tài liệu tham khảo
1170	Characterizing and understading rainfed environments / T.P. Tuong, S.P. Kam. L. Wade.... - Philippines : International Rice Research Institute, 2000 - 488 p. : 20 cm., Phân loại: 630.2 CHA 2000, Tài liệu tham khảo
1171	Ashgate handbook of pesticides and agricultural chemicals / edited by G.W.A. Milne.. - Aldershot, England ; Burlington, Vt., USA : Ashgate, 2000. - xix, 206 p. ; 26 cm., Phân loại: 631.8 AHS 2000, Từ điển
1172	Nature farming and Microbial applications / Hui-lian Xu, James F. Parr, Hiroshi Umemura, editors.. - New York : Food Products Press, 2000. - xvi, 402 p. : 23 cm., Phân loại: 631.584 NAT 2000, Tài liệu tham khảo
1173	Physiological bases for maize improvement. / María E .Otegui,Gutstavo A. Slafer.. - New York. : Haworth Press, 2000. - 217p.: ; 20cm., Phân loại: 633.15 OTE 2000, Từ điển
1174	Plant growth regulators in agriculture and Horticulture: Their role and commercial uses./ Amarjit S. Basra. - New York.: Haworth Press, 2000 - 264p.: 20cm, Phân loại: 631.89 BAS 2000, Tài liệu tham khảo
1175	Microbial endophytes./ Charles W. Bacon,Jame F. White, Jr.. - New York.; Marcel Dekker, 2000 - 487p.; 20cm, Phân loại: 633 MIC 2000, Tài liệu tham khảo
1176	Handbook of soil science. Vol 3. E - H /M.E.Summer. - London : CRC press, 2000 - E - H p. ; 27 cm, Phân loại: 631.4 HAN 2000/3, Tài liệu tham khảo
1177	Hanbooks of Soil science/ Malcolm E. Sumner, editor-in chief. - USA : Taylor&Francis Group, 2000 - 27 cm., Phân loại: 631.4 SUM 1999, Tài liệu tham khảo
1178	Analysis and Improvement of Plant Cold Hardiness./ Charles Robert Olien, Myrtle N. Smith, editors. - Florida : CRC Press, Inc, 2000 - 215 p, 30 cm., Phân loại: 632.11 ANA 2000, Tài liệu tham khảo
1179	Tropical maize improvement and production / Ripusudan L. Paliwal; Gonzalo Granados; Honor Rene'e Lafitte,...[et al]. - Rome: Food and agriculture organization of the united nations, 2000 - 356 Tr. ; 24 cm, Phân loại: 633.15 TRO 2000, Tài liệu tham khảo
1180	Commercial floriculture / H. P. Singh; N. K. Dadlani. - New Delhi: FAO, 2000 - 241 Tr. ; 27 cm, Phân loại: 635.977 13 SIN 2000, Tài liệu tham khảo